

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *501* /BC-CTN

Hạ Long, ngày *05* tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH NĂM 2022
(Theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020
của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700100104 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 25 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 3 năm 2022.
- Vốn điều lệ: 508.315.930.000 đồng. Trong đó: Vốn nhà nước nắm giữ là 488.805.930.000 đồng chiếm giữ 96,16%, vốn cổ đông khác là 19.510.000.00 chiếm 3,84%.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 618.660.562.882 đồng. Trong đó: Vốn góp Chủ sở hữu 508.315.940.393 đồng; Quỹ đầu tư phát triển 45.181.162.825 đồng; Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 44.493.859.664 đồng; Nguồn vốn đầu tư XDCB: 20.669.600.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 449 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hồng Hải, Thành Phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Số điện thoại: (0203) 3835.733
- Số fax: (0203) 3835.796
- Website: <http://www.quawaco.com.vn>
- Mã cổ phiếu: NQN.

- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh tiền thân là Công ty Thi công và Cấp nước Quảng Ninh. Ngày 01/10/1976, UBND Tỉnh Quảng Ninh công bố quyết định số 484-TC/UB ngày 03/8/1976, thành lập Công ty Thi công và Cấp nước Quảng Ninh trên cơ sở phê duyệt phương án tổ chức do Công ty xây dựng Quảng Ninh lập ra tiền thân là sát nhập các xí nghiệp nước Hòn Gai, Cẩm Phả, Uông Bí, Ban kiến thiết Nước và các bộ phận xây lắp công trình nước của Công ty lắp máy điện và thi công cơ giới. Công ty được thành lập lại theo Nghị định số 388-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng tại Quyết định số 2570 QĐ/UB ngày 04

tháng 12 năm 1992. Công ty được chuyển từ doanh nghiệp hoạt động kinh doanh sang doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích tại Quyết định 1066/QĐ-UB ngày 09/4/1997 của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 02/6/2010, UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 1639/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi và chuyển doanh nghiệp nhà nước Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh thành Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh nước sạch Quảng Ninh.

Năm 2013, thực hiện Quyết định số 659/QĐ-UB ngày 23/3/2012 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND tỉnh năm 2012, Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh nước sạch Quảng Ninh thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Ngày 18/6/2013, cuộc đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Quảng Ninh được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Tổng số lượng cổ phần chào bán là 7.895.500 cổ phần. Số lượng cổ phần bán đấu giá thành công là 619.700 cổ phần, giá đấu thành công bình quân là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2014 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5700100104 do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp đăng ký ngày 31/12/2013 với số vốn điều lệ là 369.336.000.000 đồng.

Ngày 08/10/2015, UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 3005/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần đối với Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Quảng Ninh. Giá trị vốn Nhà nước tăng so với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 30/06/2012): 9.736.391.920 đồng (Trong đó: Lợi nhuận của hoạt động SXKD từ 01/7/2012 đến 31/12/2013 là 9.420.417.320 đồng và khoản nợ phải trả nhưng không xác nhận được nợ 315.974.600 đồng).

Ngày 07/12/2015, Công ty tổ chức lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản thông qua việc tăng vốn điều lệ Công ty theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp khi quyết toán bàn giao từ Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Quảng Ninh sang Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh, giá trị xác định lại tăng 33.615.789.959 đồng được ghi tăng vốn góp Nhà nước tại Công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua việc tăng vốn điều lệ với tỷ lệ biểu quyết tán thành 100% số cổ phiếu của cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty.

Ngày 22/12/2015, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700100104 thay đổi lần thứ 8 với vốn điều lệ là 402.951.789.959 đồng.

Ngày 09/10/2017, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 6676 /GSĐC-UBCK.

Ngày 04/9/2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700100104 thay đổi lần thứ 11 với vốn điều lệ là 508.315.940.393 đồng.

Ngày 02/7/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700100104 thay đổi lần thứ 12 với vốn điều lệ là 508.315.940.393 đồng.

Ngày 01/3/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700100104 thay đổi lần thứ 13 với vốn điều lệ là 508.315.940.393 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- *Ngành nghề kinh doanh:* Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, du lịch, dịch vụ, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Quản lý dự án đầu tư cấp thoát nước trên địa bàn tỉnh; Đầu tư xây dựng các công trình cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường; Tổng thầu thực hiện các dự án cấp nước theo hình thức chìa khóa trao tay; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước; Thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật, lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải và chất rắn.

- *Địa bàn kinh doanh:* Tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp năm 2014, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- **Đại hội đồng cổ đông;**
- **Hội đồng quản trị;**
- **Ban kiểm soát Công ty;**
- **Ban Tổng Giám đốc;**
- **Khối phòng nghiệp vụ:**
- + Văn phòng công ty;

- + Phòng Kế toán tài chính;
- + Phòng Kinh doanh;
- + Phòng Tổ chức Lao động;
- + Phòng Chống thất thoát nước;
- + Phòng Kỹ thuật;
- + Phòng Vật tư;
- + Phòng Quản lý Đầu tư Xây dựng
- + Phòng Kế hoạch;
- + Phòng Cơ điện công nghệ;
- + Phòng Kiểm định đồng hồ;
- + Phòng Chất lượng nước Môi trường;

+ Ban Quản lý dự án cấp nước;

- Các Xí nghiệp, chi nhánh:

- + Xí nghiệp nước Đông Triều;
- + Xí nghiệp nước Uông Bí;
- + Xí nghiệp nước Quảng Yên;
- + Xí nghiệp nước Bãi Cháy;
- + Xí nghiệp nước Hồng Gai;
- + Nhà máy nước Diễn Vọng;
- + Xí nghiệp nước Cẩm Phả;
- + Xí nghiệp nước Vân Đồn;
- + Xí nghiệp nước Miền Đông;
- + Xí nghiệp nước Móng Cái;
- + Trung tâm Tư vấn Thiết kế Xây dựng Cấp thoát nước.

4. Định hướng phát triển

- Xây dựng chiến lược đầu tư phát triển hệ thống cấp nước, phát triển thị trường và có các giải pháp cụ thể để thực hiện chiến lược phát triển Công ty, từng bước đưa Công ty phát triển và tăng trưởng bền vững;

- Đầu tư các dự án trọng điểm để bổ sung nguồn nước, cải tạo và mở rộng hệ thống đường ống dẫn, đường ống phân phối nước đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất và dịch vụ du lịch. Xây dựng lộ trình thực hiện các dự án cấp nước phù hợp với tiến độ các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đô thị du lịch và các khu công nghiệp của tỉnh Quảng Ninh;

- Mở rộng hệ thống cấp nước, tập trung phát triển khách hàng để nâng cao lợi thế cạnh tranh, giảm ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đối với kết quả SXKD của Công ty.

- Cải tiến và liên tục cải tiến các quy trình làm việc, quản trị phù hợp với thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội, tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm tăng cường hiệu quả xử lý công việc, rút ngắn thời gian tiếp cận nguồn nước của khách hàng, giảm chi phí đồng thời giảm rủi ro quản trị.

- Xây dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, đội ngũ cán bộ công nhân viên có tác phong làm việc chuyên nghiệp, giao tiếp văn minh lịch sự; tạo không gian xanh – sạch – thân thiện – hiện đại; Sử dụng hiệu quả và phát triển chất lượng nguồn nhân lực thông qua thực hiện đánh giá năng lực, đào tạo, sắp xếp lao động, tuyển dụng mới một cách minh bạch, khoa học với mục tiêu giảm số lượng lao động/số lượng đầu nôi, tăng chỉ số doanh thu/số lượng lao động. Tăng cường kỷ luật lao động trong toàn Công ty, thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nhằm tăng năng suất lao động.

- Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, mang đến sự hài lòng cho khách hàng về cung cách, thái độ phục vụ, mang đến các dịch vụ, tiện ích khác xung quanh sản phẩm chính (nước sạch), luôn thể hiện sự quan tâm và trân trọng khách hàng.

- Áp dụng ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất kinh doanh nhằm tăng hiệu quả sản xuất, giảm chi phí, thuận tiện trong công tác quản lý, nâng cao năng suất lao động.

- Tận dụng tối đa cơ hội để phát triển kinh tế số; chuyển đổi số là xu thế tất yếu, là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, vừa cấp bách, vừa lâu dài, xây dựng kế hoạch, lộ trình và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số là cơ hội để giải quyết các điểm nghẽn cũng như tạo đột phá trong phát triển, nâng cáo chất lượng tăng trưởng.

5. Các rủi ro

- Tỉnh Quảng Ninh đang trên đà phát triển mạnh mẽ về kinh tế xã hội, nhiều nhà đầu tư đã và đang triển khai các dự án khu đô thị, khu công nghiệp, tổ hợp dịch vụ du lịch, khách sạn,... kéo theo nhu cầu sử dụng nước sạch tăng cao. Do đó, Công ty cần phải cố gắng, nỗ lực kịp thời triển khai đầu tư các dự án nâng cao năng lực hệ thống cấp nước để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư.

- Là một tỉnh miền núi, địa hình phức tạp, Quảng Ninh có nguồn nước mặt rất hạn chế. Toàn tỉnh không có hệ thống sông lớn nào chảy qua, chỉ có một số sông nhỏ phát sinh trong tỉnh, lưu lượng từ vài chục đến trên dưới 100 m³/s,

không đủ cấp nước cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Công ty hiện nay chủ yếu đang sử dụng các nguồn nước mặt như hồ Cao Vân, hồ Yên Lập, hồ Đoàn Tĩnh, hồ Bến Châu... Bên cạnh đó, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã tác động không nhỏ đến nguồn tài nguyên nước. Tình trạng hạn hán khiến nguồn nước mặt khan hiếm vào mùa khô; vào mùa mưa thì chất lượng nguồn nước nguồn đột biến, độ đục tăng cao, nguy cơ lũ lụt ngập một số nhà máy, trạm bơm (nếu không ứng cứu kịp thời) khiến máy móc thiết bị hư hỏng. Bên cạnh đó, nguồn nước ngầm cũng đang suy giảm do biến đổi khí hậu và một số tổ chức, cá nhân khai thác nước ngầm trái phép.

- Cùng với sự phát triển của khoa học - kỹ thuật, các công nghệ tiên tiến sẽ được áp dụng vào trong quá trình xử lý nước, quy trình quản lý, quản trị, vận hành mạng lưới cấp nước cũng như công tác chăm sóc khách hàng. Tuy nhiên hiện tại trình độ của đội ngũ CBCNV Công ty chưa cao nên quá trình tiếp thu, nhận chuyển giao công nghệ còn gặp nhiều khó khăn. Do đó Công ty phải nâng cao trình độ đội ngũ CBCNV để kịp thời đáp ứng sự phát triển của khoa học kỹ thuật.

- Theo Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-Bộ Tài chính-Bộ Xây dựng (Hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn) thì hệ số tính giá tối đa nước sạch sinh hoạt so với giá bình quân của 10m³ đầu tiên là 0,8, 10m³ tiếp theo là 1,0, 10m³ tiếp theo là 1,2. Như vậy 30m³ nước sạch sinh hoạt đầu tiên của hộ gia đình chỉ được tính bằng giá bình quân do $(0,8+1,0+1,2)/3=1$. Do đó, lợi nhuận của Công ty hoàn toàn phụ thuộc vào nhóm khách hàng kinh doanh dịch vụ, sản xuất vật chất nên sẽ bị ảnh hưởng rất lớn nếu xảy ra thiên tai, dịch bệnh... vì tỷ lệ doanh thu nước máy trong khối du lịch, dịch vụ chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

| TT | CHỈ TIÊU CHỦ YẾU | ĐVT | NĂM 2022 | | TỶ LỆ HOÀN THÀNH | |
|--------------------------------|-------------------------|----------------------|----------|-----------|---------------------------|---------------------|
| | | | KẾ HOẠCH | THỰC HIỆN | SO VỚI K/HOẠCH NQ ĐCĐ (%) | SO VỚI NĂM 2021 (%) |
| I. CHỈ TIÊU VỀ SẢN XUẤT | | | | | | |
| 1 | Sản lượng nước tiêu thụ | 1.000 m ³ | 60.258 | 61.605 | 102,24 | 101,39 |
| 2 | Doanh thu nước máy | Triệu đồng | 588.680 | 627.610 | 106,61 | 105,95 |

| | | | | | | |
|----------------------------------|--|---------------------|---------|---------|---------------------|-------------------|
| 3 | Tỷ lệ thất thoát | % | 10,84 | 11,8 | 108,95 | 98,75 |
| 4 | Phát triển khách hàng | Hộ | 10.500 | 9.247 | 88,07 | 69,76 |
| II. CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH | | | | | | |
| 5 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 615.000 | 655.503 | 106,94 | 106,64 |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 52.471 | 55.556 | 105,88 | 106,29 |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 42.200 | 44.494 | 105,44 | 105,9 |
| 8 | Lãi cơ bản trên 01 cổ phần (theo vốn ĐL bình quân) | Đồng | 830 | 875 | +45 (đồng) | +48 (đồng) |
| 9 | Thu nhập bình quân NLD | 1000đ/ người/ tháng | 10.500 | 11.818 | +1.318 (nghìn đồng) | +519 (nghìn đồng) |

- Công tác cấp nước, chất lượng nước:

+ Về công tác cấp nước: Trong năm 2022, trước tình hình khó khăn do chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, Công ty đã triển khai hàng loạt các giải pháp và rà soát nhu cầu, vận động người dân sử dụng nước nhằm tăng tỷ lệ độ phủ cấp nước, tập trung làm tốt nhiệm vụ sản xuất cấp nước; cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng trên địa bàn. Hoàn thành một số dự án trọng tâm, đáp ứng kịp thời nguồn nước cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ninh, nâng cao sản lượng doanh thu, đảm bảo cân đối tài chính theo mục tiêu kế hoạch của UBND tỉnh (cơ quan đại diện chủ sở hữu) và Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Về vận hành cấp nước: Tỷ lệ cấp nước liên tục 24/24 tại các đơn vị trong toàn công ty dao động từ 69,5% - 95,13%. Công ty đã chỉ đạo tích cực, sâu sát các phòng, ban đơn vị trong công tác quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành nhà máy, mạng lưới cấp nước, kiểm soát chất lượng nước. Từng bước ứng dụng khoa học công nghệ mới vào hoạt động sản xuất, thực hiện đầu tư các công trình trọng điểm để nâng cao năng lực cấp nước:

- Về giám sát Hệ thống cấp nước: Trung tâm SCC đã theo dõi, kiểm soát các thông số vận hành hệ thống cấp nước trong toàn Công ty liên tục 24/7 thông qua Hệ thống giám sát lưu lượng, áp lực từ xa SCADA, phát hiện kịp thời các sự cố cấp nước và chuyển tiếp thông tin xử lý cho các đơn vị một cách nhanh chóng, đảm bảo thời gian gián đoạn cấp nước là thấp nhất. Công tác điều phối, điều tiết áp lực, lưu lượng tại cụm Hồng Gai – Diễn Vọng – Cẩm Phả, Bãi Cháy, Uông Bí, Quảng Yên đảm bảo khai thác tối đa nguồn nước phục vụ thỏa mãn nhu cầu khách hàng, giám sát áp lực cấp nước tại các điểm cao, xa khó cấp cuối tuyến, theo dõi và phát hiện các điểm SCADA bị sự cố để xử lý kịp thời. Công ty đã nghiên cứu quy hoạch, lập trình lại trang giám sát, điều hành cấp nước các điểm SCADA, đề xuất điều chuyển, thu hồi, lắp mới các điểm SCADA nhằm nâng cao hiệu quả theo dõi hệ thống cấp nước.

Năm 2022, toàn Công ty đã thực hiện đầu nối phát triển 9.247 hộ khách hàng; đạt 94,84% kế hoạch và giảm 30,24% so với thực hiện năm 2021. Công ty

tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt mà thông qua ngân hàng và các dịch vụ thanh toán trung gian; Kết quả, tính đến hết tháng 12/2022, tổng số khách hàng đã thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt, đạt 80,59% số hoá đơn phát hành hàng tháng, doanh thu thanh toán không dùng tiền mặt đạt trên 84,83%. Phát huy hiệu quả vai trò của Trung tâm Giám sát Hệ thống cấp nước - Call center, trong năm 2022, Trung tâm đã tiếp nhận, giải đáp kịp thời 1.621 cuộc gọi của khách hàng liên quan đến dịch vụ cấp nước của Công ty qua đầu số 1900.545.520. Bên cạnh đó, Trung tâm đã thực hiện 9.987 cuộc gọi khảo sát lấy ý kiến đánh giá của khách hàng về chất lượng phục vụ.

Thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn cấp nước, mở rộng hệ thống cấp nước, ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất lao động nhằm tăng sản lượng doanh thu, tăng độ phủ cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát, nâng cao đời sống vật chất và tạo động lực cho cán bộ công nhân viên (CBCNV).

+ *Về chất lượng nước*: Chất lượng nước sau xử lý, nước thương phẩm được Công ty kiểm soát nghiêm ngặt theo QCVN 01-1:2018/BYT đảm bảo đến tận đầu vòi sau đồng hồ từng hộ khách hàng. Để đảm bảo chất lượng nước ổn định trong mọi điều kiện, Công ty đã kịp thời rà soát và có phương án xử lý, đồng thời cải tiến tối ưu hóa công tác xử lý nước, tiết kiệm hóa chất như: Áp dụng vận hành chất trợ lắng mùa mưa lũ, sử dụng thuốc tím (KMNO₄) xử lý mùi nước thô, cải tiến phương án châm Clo, xử lý Mangan đảm bảo chất lượng nước, tối ưu phương án đưa nước từ bể phản ứng sang bể lắng, điều chỉnh vận hành bơm định lượng hóa chất theo kết quả Jatest nhằm nâng cao hiệu suất xử lý nước. Trong năm 2022, Công ty đã chú trọng trong công tác rà soát, kiểm soát hóa chất sử dụng tại các đơn vị sản xuất cấp nước trong toàn Công ty từ đó giảm thiểu các nguy cơ định lượng dư hóa chất gây lãng phí trong sản xuất và Công ty cũng đã thay đổi một số loại hóa chất phù hợp giúp giảm chi phí sản xuất nước máy. Bên cạnh đó Công ty đã xây dựng kịch bản ứng phó với các diễn biến nước đục đặc biệt trong mùa mưa lũ để có phương án thực hiện khi cần.

Công ty thường xuyên kiểm soát an ninh nguồn nước, kịp thời phát hiện các điểm xả thải có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước để có kiến nghị tới chính quyền địa phương nhằm can thiệp kịp thời, đảm bảo chất lượng nước phục vụ sản xuất.

Trong năm 2022, Công ty tổ chức thuê các đơn vị chức năng thu gom bùn thải, chất thải nguy hại, đưa vào sử dụng thêm các sân phơi bùn khô như Đuan Tĩnh, Hải Hà, Hoàn Bồ và phát huy hiệu quả hoạt động các sân phơi bùn hiện có, xây dựng kho chứa bùn khô thu gom trả mặt thoáng tăng hiệu quả xử lý bùn. Số lượng nhà máy, KXL thu gom bùn khô tăng, giảm khối lượng bùn thu gom so với bùn lỏng, giảm chi phí thu gom xử lý bùn, góp phần giảm chi phí sản xuất.

- **Công tác chống thất thoát, thất thu**: Trong năm 2022, bám sát nội dung kế hoạch của Công ty, công tác chống thất thoát cũng đã có những kết quả nhất định: tỉ lệ thất thoát chung toàn Công ty: 11,8%, tương ứng 7.720.346 m³; tăng 0,96% so kế hoạch được giao và giảm 0,16% so với năm 2021 (9 đơn vị đạt kế

hoạch chống thất thoát và 1 đơn vị không đạt kế hoạch chống thất thoát). Số lượng sự cố được phát hiện và xử lý trong năm là 3.546 sự cố, tăng 191 sự cố so với năm 2021, trong đó sự cố phát hiện qua nghe rò rỉ là 1.919 chiếm 54% tăng 725 sự cố so với năm 2021, tổng số buổi nghe rò rỉ đạt 2.166 buổi, tăng 914 buổi so với năm 2021. Các đồng hồ nguồn đảm bảo đo tính sản lượng nước cấp chính xác, đánh giá đúng thất thoát nguồn ...; thau rửa bồn quả mút 28 công trình. Bên cạnh đó Công ty cũng đã huy động nhân lực nữ vào chống thất thoát. Đồng thời, Công ty cũng kiểm soát chặt chẽ 86.423m³ nước xả rửa bảo dưỡng mạng lưới cấp nước. Tổ chức 02 đợt đào tạo công tác nghe rò rỉ tại hiện trường cho tất cả đội CTT toàn Công ty. Lắp bổ sung 12 đồng hồ đầu tuyến (HG 2, DV 4, BC 6), điều chuyển 20 cụm đồng hồ nguồn đầu nguồn tại các đơn vị.

- **Công tác ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất:** Từng bước triển khai công tác ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trong sản xuất. Nâng cấp và duy trì ổn định của các phần mềm quản lý góp phần tích cực trong việc nâng cao hiệu quả, năng lực chỉ đạo điều hành. Phối hợp các đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ, xây dựng phần mềm ký hoá đơn điện tử; hoàn thiện và đưa phần mềm thu tiền nước Online vào sử dụng, tạo điều kiện cho khách hàng có thể thanh toán tiền nước tại tất cả các điểm thu; hoàn thiện phần mềm quản lý giao việc cho tổ trạm trên điện thoại sử dụng hệ điều hành android, đã áp dụng thử nghiệm tại các trạm Hồng Hải, Hòn Gai-XNN Hòn Gai; Phần mềm 474 phục vụ công tác thống kê, rà soát lại thông tin khách hàng theo kế hoạch 474 và phần mềm quản lý giao nhận hồ sơ. Tiếp tục hoàn thiện và chỉnh sửa các phát sinh của phần mềm kinh doanh, phần mềm đồng hồ đáp ứng yêu cầu của các phòng nghiệp vụ.

Công tác tự động hóa: Xác định xu hướng tự động hóa, ứng dụng khoa học công nghệ là tương lai của công tác sản xuất kinh doanh, trong năm 2022 Công ty đã tiếp tục thi công đầu nối lắp đặt hệ thống điều khiển tự động tại 06 trạm bơm, khu xử lý, áp dụng công nghệ vận hành máy bơm sử dụng biến tần tại một số vị trí trạm bơm giếng, trạm bơm cấp 2 nhằm tăng khả năng điều phối cấp nước theo áp lực. Bên cạnh đó, Công ty đã sửa chữa, khắc phục trên 200 sự cố, bảo dưỡng hệ thống máy móc thiết bị đảm bảo duy trì vận hành mạng lưới cấp nước.

Công ty đã quy hoạch, lập trình lại trang giám sát, điều chỉnh cấp nước tại các điểm scada trên toàn Công ty. Lắp đặt mới 11 cảm biến áp lực có độ chính xác cao tại các điểm đầu nguồn quan trọng. Lắp đặt mới 10 thiết bị “Cảm biến thuỷ tĩnh” chuyên dùng để đo mức nước bể, với độ chính xác cao. Bên cạnh đó, Công ty mở các lớp đào tạo, hướng dẫn về cách quản lý, sửa chữa và khắc phục sự cố scada cho CBCNV tại các đơn vị. Đến nay, sự cố scada tại các đơn vị đã được khắc phục nhanh, kịp thời và chính xác. Ngoài ra, từng bước thay thế các

dataloger sử dụng sóng 2,5G sang sóng 4G để đáp ứng được sự phát triển và thay đổi của mạng viễn thông, tích hợp được nhiều thông số giám sát.

Công tác chuyển đổi số được xác định là giải pháp cốt lõi nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty đã xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số lộ trình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, một số chỉ tiêu đã đạt được:

- Sử dụng 100% hóa đơn điện tử trong giao dịch với khách hàng.
- Nâng tỷ lệ thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt đạt xấp xỉ 80%.
- Đầu tư hệ thống máy chủ dữ liệu, hạ tầng mạng nội bộ và áp dụng công cụ số vào công tác chăm sóc khách hàng giúp tiếp nhận nhanh và chính xác các thông tin phản ánh của khách hàng đối với Công ty.

- Về công tác thiết kế, quản lý dự án đầu tư:

+ Công tác lập hồ sơ thiết kế dự toán công trình xây dựng

Thiết kế công trình xây dựng là một khâu quan trọng quyết định đến chất lượng và chi phí xây dựng công trình. Trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng công trình, giai đoạn thiết kế tiêu hao chi phí rất nhỏ so với lượng vốn đầu tư xây dựng nhưng lại là giai đoạn tập trung hàm lượng chất xám lớn trong sản phẩm thiết kế. Mức độ ảnh hưởng của giai đoạn thiết kế đến toàn bộ hoạt động xây dựng là rất lớn và kéo dài đến suốt tuổi thọ công trình.

Xác định công tác thiết kế công trình xây dựng là một khâu quan trọng quyết định đến chất lượng và chi phí xây dựng công trình. Trong năm Trung tâm TVTK và các đơn vị trong Công ty đã làm tốt nhiệm vụ lập hồ sơ thiết kế dự toán các công trình, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Với chức năng thẩm định, phòng Kỹ thuật, Phòng CTT, Phòng KH, Phòng QLĐT đã làm tốt công tác tham mưu thẩm định hồ sơ các dự án công trình, đảm bảo tiến độ, chất lượng các hồ sơ dự toán thiết kế, tạo thuận lợi trong quá trình triển khai thi công các công trình.

+ Công tác quản lý dự án

BQL dự án đã làm tốt vai trò tham mưu trong công tác quản lý dự án, đảm bảo tuân thủ trình tự, từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, quản lý hợp đồng đến hoàn thành dự án đưa vào khai thác sử dụng đảm bảo đúng trình tự, quy định của pháp luật về xây dựng cơ bản.

- Về quản lý tiến độ các dự án: Lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật thường xuyên bám hiện trường, giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thi công, đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ. Thường xuyên cập nhật, phân tích tiến độ thực hiện thực tế so với tiến độ hợp đồng, phân tích nguyên nhân chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến tiến độ để báo cáo Chủ đầu tư thực hiện điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng theo quy định.

- **Quản lý chất lượng thi công xây dựng các công trình:** Công tác giám sát hiện trường được thực hiện tốt, kịp thời phát hiện các công việc chưa phù hợp với thực tế để báo cáo Chủ đầu tư xem xét điều chỉnh thiết kế cho phù hợp. Việc thi công của nhà thầu được kiểm soát chặt chẽ, tuân thủ đúng quy trình kiểm tra, giám sát; nghiệm thu chất lượng công trình theo quy định của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình. Hồ sơ quản lý chất lượng được cập nhật thường xuyên, đầy đủ, đáp ứng yêu cầu.

- **Quản lý chi phí:** Chi phí đầu tư xây dựng các công trình được kiểm soát theo đúng quy định về đầu tư, đảm bảo tiết kiệm trong đầu tư. Việc hướng dẫn và kiểm soát hồ sơ thanh toán của các Nhà thầu kịp thời, chính xác.

- Công tác an toàn - vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ:

Thực hiện tốt các chế độ chăm sóc sức khỏe người lao động: Khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV, đo môi trường lao động định kỳ năm 2022 tại các vị trí sản xuất trong toàn Công ty, bồi dưỡng bằng hiện vật cho công nhân vận hành tại các vị trí độc hại sau khi đo kiểm tra môi trường lao động. Thực hiện kiểm định định kỳ 73 thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn vệ sinh lao động tại các đơn vị theo đúng quy định của Nhà nước, không để phát sinh sự cố nghiêm trọng trong sản xuất. Công ty đã phối hợp đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy thành phố Hạ Long tổ chức chương trình huấn luyện định kỳ nghiệp vụ PCCN, diễn tập PCCN tại trụ sở Văn phòng Công ty cho 160 học viên. Thực hiện kiểm tra, rà soát 604 trụ cứu hoả nằm trên hệ thống cấp nước thuộc quản lý của các đơn vị, trong đó có 471 trụ hoạt động tốt, 48 trụ không hoạt động được, 85 trụ nằm trong các dự án chưa được cấp nước và chưa đấu nối vào tuyến ống cấp nước.

Công ty đã thực hiện tốt công tác tổ chức, xây dựng kế hoạch và thực hiện phòng chống lụt bão 2022.

Trong năm, Công ty xảy ra 01 vụ tai nạn lao động nặng (01 đồng chí công nhân quản lý của XNN Bãi Cháy trong quá trình kiểm tra tuyến ống.)

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban Điều hành:

| TT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ |
|----|--------------------|----------------------------|
| 1 | Ông Vũ Văn Tuấn | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 2 | Ông Hoàng Ngọc Hà | Tổng Giám Đốc |
| 3 | Ông Trịnh Văn Bình | Phó Tổng Giám Đốc |
| 4 | Ông Trần Mạnh | Phó Tổng Giám Đốc |

| | | |
|---|--------------------|-------------------|
| 5 | Ông Nguyễn Thế Đức | Phó Tổng Giám Đốc |
| 6 | Bà Tô Thị Hằng Nga | Kế toán trưởng |

3. Lý lịch Ông Vũ Văn Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

| | |
|----------------------------|---|
| Họ và tên | : Vũ Văn Tuấn |
| Thẻ Căn cước | : 022076003394, Ngày cấp: 04/07/2019 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH |
| Giới tính | : Nam |
| Ngày tháng năm sinh | : 20/04/1976 |
| Quốc tịch | : Việt Nam |
| Dân tộc | : Kinh |
| Địa chỉ thường trú | : Tổ 11 khu 2B phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. |
| Trình độ văn hóa | : 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | : Kỹ sư tự động hoá – cung cấp điện, Cử nhân Kinh tế Xây dựng, Kỹ sư Cấp thoát nước, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh. |
| Trình độ lý luận chính trị | : Cao cấp |
| Quá trình công tác | : |

| Thời gian | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác |
|-----------------------------------|--|
| Từ tháng 9/2000 đến tháng 3/2004 | Nhân viên Kỹ thuật, Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh |
| Từ tháng 4/2004 đến tháng 11/2006 | Phó phòng Kỹ thuật, Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh |
| Từ tháng 12/2006 đến tháng 7/2010 | Trưởng phòng Cơ điện, Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh |
| Từ tháng 8/2010 đến tháng 8/2012 | Trưởng phòng Cơ điện, Công ty TNHH 1TV Kinh doanh nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 9/2012 đến tháng 12/2013 | Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư, Công ty TNHH 1TV Kinh doanh nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 01/2014 | Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư, Công ty cổ phần Nước |

| Thời gian | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác |
|--------------------------------------|--|
| đến tháng 02/2015 | sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 02/2015 đến tháng 8/2016 | Trưởng Phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 9/2016 đến tháng 02/2017 | Giám đốc XNN Bãi Cháy, Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 02/2017 đến tháng 6/2019 | Phó Tổng giám đốc, Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 7/2019 đến nay | Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
 Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 48.880.593 Cổ phần
 Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 22.200 Cổ phần
 Số cổ phần của người có liên quan : 0 Cổ phần
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao người đại diện vốn nhà nước, lương chủ tịch HĐQT
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

4. Lý lịch ông Hoàng Ngọc Hà - Tổng giám đốc Công ty

Họ và tên : Hoàng Ngọc Hà
 Thẻ căn cước : 022075003621, Ngày cấp: 21/4/2020
 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 29/07/1975
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Tổ 9 khu 5, Phường Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
 Chỗ ở hiện tại : Tổ 9 khu 5, Phường Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện khí hóa, Cử nhân Quản trị kinh doanh, Kỹ sư cấp thoát nước, Thạc sỹ quản lý công

Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác |
|------------------------------------|--|
| Từ tháng 9/1999 đến tháng 12/2000 | Nhân viên cơ điện - Văn phòng Công ty Thi công và cấp nước Quảng Ninh |
| Từ tháng 12/2000 đến tháng 12/2001 | Nhân viên Kỹ thuật, XNN Uông Bí - Công ty Thi công và cấp nước Quảng Ninh |
| Từ tháng 01/2002 đến tháng 03/2005 | Phó giám đốc XNN Uông Bí - Công ty Thi công và cấp nước Quảng Ninh |
| Từ tháng 04/2005 đến tháng 10/2007 | Trưởng phòng Kiểm tra chống thất thoát - Công ty Thi công và cấp nước Quảng Ninh |
| Từ tháng 11/2007 đến tháng 07/2010 | Giám đốc XNN Móng Cái - Công ty Thi công và cấp nước Quảng Ninh |
| Từ tháng 08/2010 đến tháng 10/2010 | Giám đốc XNN Móng Cái - Công ty TNHH 1TV kinh doanh Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 11/2010 đến tháng 08/2012 | Giám đốc XNN Hồng Gai - Công ty TNHH 1TV kinh doanh Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 09/2012 đến tháng 12/2013 | Giám đốc XNN Hồng Gai - Công ty TNHH 1TV kinh doanh Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 01/2014 đến tháng 08/2016 | Giám đốc XNN Hồng Gai - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 09/2016 đến tháng 09/2019 | Trưởng phòng Kỹ thuật - Văn phòng Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 10/2019 đến tháng 07/2021 | Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh. |
| Từ tháng 7/2021 đến nay | Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 Cổ phần

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 21.300 Cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan : 1.500 Cổ phần
 Họ tên người có liên quan (1) : Phạm Thị Hồng Hạnh
 Quan hệ : Vợ
 Số cổ phần nắm giữ : 800 Cổ phần
 Họ tên người có liên quan (2) : Trần Đình Đệ
 Quan hệ : Em rể
 Số cổ phần nắm giữ : 700 Cổ phần
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT, lương Tổng GD
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

5. Lý lịch Ông Trịnh Văn Bình - Phó tổng giám đốc

Họ và tên : Trịnh Văn Bình
 Số CMND : 022071001348, Ngày cấp: 01/6/2017
 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL dân cư
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 04/03/1971
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Tổ 3A Khu 2 Phường Hồng Hà, Thành phố
 Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
 Chỗ ở hiện tại : Tổ 3A Khu 2 Phường Hồng Hà, Thành phố
 Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng, Thạc sỹ Quản trị kinh
 doanh
 Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác |
|---------------------------------------|---|
| Từ tháng 03/1990 đến tháng 12/1993 | Tham gia nghĩa vụ quân sự tại Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Ninh |
| Từ tháng 01/1994 đến tháng 07/1996 | Nhân viên Thủ kho, Xí nghiệp Nước Hồng Gai - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh |

| Thời gian | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác |
|---------------------------------------|--|
| Từ tháng 08/1996 đến tháng 11/2000 | Nhân viên Kẹp chì, Phòng Kinh doanh - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh |
| Từ tháng 12/2000 đến tháng 12/2002 | Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh |
| Từ tháng 01/2003 đến tháng 02/2003 | Phó phòng Tổ chức Hành chính - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh |
| Từ tháng 03/2003 đến tháng 07/2010 | Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh |
| Từ tháng 08/2010 đến tháng 09/2010 | Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty TNHH 1TV kinh doanh nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 10/2010 đến tháng 08/2012 | Phó giám đốc - Công ty TNHH 1TV kinh doanh nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 09/2012 đến tháng 12/2013 | Phó tổng giám đốc - Công ty TNHH 1TV kinh doanh nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 01/2014 đến nay | Thành viên Hội đồng quản trị, Phó tổng giám đốc - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 45.000 Cổ phần

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 27.200 Cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan : 2.800 Cổ phần

Họ tên người có liên quan (1) : Nguyễn Thị Lan

Quan hệ : Vợ

Số cổ phần nắm giữ : 2.000 cổ phần

Họ tên người có liên quan (2) : Trịnh Văn Quang

Quan hệ : Em trai

Số cổ phần nắm giữ : 800 cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT, lương Phó TGD

6. Lý lịch ông Trần Mạnh - Phó tổng giám đốc Công ty

Họ và tên : Trần Mạnh
Số thẻ căn cước : 022083005311 Ngày cấp: 22/05/2019
: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 29/07/1983
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : Tổ 3B khu 7A , Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chỗ ở hiện tại : Tổ 3B khu 7A , Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Công nghệ thông tin, Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng
Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác |
|------------------------------------|--|
| Từ tháng 11/2005 đến tháng 07/2010 | Nhân viên tin học - Văn phòng Công ty Thi công và cấp nước Quảng Ninh |
| Từ tháng 08/2010 đến tháng 02/2012 | Nhân viên tin học - Văn phòng Công ty TNHH 1TV kinh doanh Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 02/2012 đến tháng 08/2012 | Nhân viên Kiểm tra chống thất thoát - Văn phòng Công ty TNHH 1TV kinh doanh Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 09/2012 đến tháng 12/2013 | Nhân viên tin học - Văn phòng Công ty TNHH 1TV kinh doanh Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 01/2014 đến tháng 09/2014 | Nhân viên tin học - Văn phòng Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 10/2014 đến tháng 06/2015 | Phó phòng Kinh doanh - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 07/2015 đến tháng 08/2016 | Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 09/2016 đến tháng 12/2016 | Trưởng phòng Kinh doanh, Giám đốc XN dịch vụ Quawaco - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh. |
| Từ tháng 01/2017 đến tháng 09/2019 | Trưởng phòng Kinh doanh - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |

| | |
|-----------------------------|--|
| Từ tháng 10/2019 đến nay | Phó tổng giám đốc - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
|-----------------------------|--|

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
 Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 Cổ phần
 Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 25.200 Cổ phần
 Số cổ phần của người có liên quan : 0 Cổ phần
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT, lương Phó TGD
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

7. Lý lịch ông Nguyễn Thế Đức - Phó tổng giám đốc Công ty

Họ và tên : Nguyễn Thế Đức
 Số thẻ căn cước : 026087005328 Ngày cấp: 06/11/2018
 Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
 Giới tính : Nam
 Ngày tháng năm sinh : 25/06/1987
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Tổ 52, khu 5, phường Cao Thắng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
 Chỗ ở hiện tại : Tổ 52, khu 5, phường Cao Thắng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cấp thoát nước
 Quá trình công tác:

| Thời gian | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác |
|---------------------------------------|---|
| Từ tháng 04/2012 đến tháng 12/2013 | Nhân viên kỹ thuật - Văn phòng Công ty TNHH 1TV kinh doanh Nước sạch Quảng Ninh |

| | |
|---------------------------------------|---|
| Từ tháng 01/2014 đến tháng 04/2019 | Nhân viên kỹ thuật - Văn phòng Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 05/2019 đến tháng 11/2019 | Phó Giám đốc XNN Hồng Gai – Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 11/2019 đến tháng 04/2021 | Phó phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 04/2021 đến tháng 07/2021 | Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 07/2021 đến nay | Phó tổng giám đốc - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
 Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 Cổ phần
 Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 500 Cổ phần
 Số cổ phần của người có liên quan : 0 Cổ phần
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Lương Phó TGD
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

8. Lý lịch Bà Tô Thị Hằng Nga - Kế toán trưởng

Họ và tên : Tô Thị Hằng Nga
 Số CMND : 100989635 Ngày cấp: 03/05/2012
 Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Ninh
 Giới tính : Nữ
 Ngày tháng năm sinh : 20/09/1972
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Tổ 3 Khu 6B Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
 Chỗ ở hiện tại : Tổ 3 Khu 6B Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
 Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành tài chính

Quá trình công tác :

| Thời gian | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác |
|------------------------------------|--|
| Từ tháng 4/1992 đến tháng 12/1993 | Nhân viên Nhà nghỉ Xây dựng - Sở Xây dựng Quảng Ninh. |
| Từ tháng 01/1994 đến tháng 06/1997 | Nhân viên Kinh doanh - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh. |
| Từ tháng 07/1997 đến tháng 03/2004 | Nhân viên Kế toán - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh. |
| Từ tháng 04/2004 đến tháng 07/2010 | Phó phòng Kế toán Tài chính - Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh |
| Từ tháng 08/2010 đến tháng 12/2013 | Phó phòng Kế toán Tài chính - Công ty TNHH 1TV kinh doanh Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 01/2014 đến tháng 06/2017 | Phó phòng Kế toán Tài chính - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 06/2017 đến tháng 08/2017 | Trưởng phòng Kế toán - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| Từ tháng 08/2017 đến nay | Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT , Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 35.000 Cổ phần

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 12.000 Cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan : 0 Cổ phần

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao HĐQT, lương Kế toán trưởng

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 như sau:

| Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|--|---------------------|--------------|
| Tổng số | 1372 | 100 |
| 1. Phân theo trình độ lao động | | |
| - Đại học và trên Đại học | 594 | 43,30 |
| - Cao đẳng và Trung cấp | 429 | 31,27 |
| - Số lao động đã qua đào tạo tại trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề và đào tạo sơ cấp | 349 | 25,43 |
| 2. Phân theo giới tính | | |
| - Nam | 723 | 52,70 |
| - Nữ | 649 | 47,30 |

- Tóm tắt chính sách:

Tại Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh, nguồn lực con người được xem là yếu tố trọng tâm. Công ty đang từng bước được hoàn thiện công tác phát triển nguồn nhân lực thông qua việc hoàn thiện và thực hiện tốt các quy trình tuyển dụng, đánh giá năng lực, đào tạo nâng cao chuyên môn tay nghề với tiêu chí minh bạch, công bằng, hiệu quả. Bên cạnh đó, để khích lệ CBCNV không ngừng học hỏi, nâng cao năng suất lao động, các chính sách lương, thưởng, trợ cấp... cho người lao động luôn được xem xét và giải quyết thỏa đáng, đảm bảo mức thu nhập cho người lao động yên tâm công tác.

Để tiếp tục sử dụng hiệu quả nguồn lực con người, gia tăng giá trị thặng dư, Công ty hiện nay đang nghiên cứu mở rộng thêm một số công việc xung quanh sản phẩm chính (nước sạch) như gia công quả mút phục vụ thau rửa tuyến ống, gia công hộp bảo vệ đồng hồ, cung cấp dịch vụ vệ sinh bể chứa, téc nước, bình nóng lạnh..., tăng khối lượng công việc như thực hiện khảo sát sự hài lòng khách hàng, nghiên cứu thực hiện việc khảo sát, hoàn thiện, thi công đấu nối khách hàng mới tại nhà, thực hiện tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ khách hàng đăng ký thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt tại nhà, tại cơ quan, doanh nghiệp, trụ sở Trung tâm hành chính công, lập các tổ vệ sinh công nghiệp nhà máy, khu xử lý nước...

+ Chính sách đào tạo:

Trong năm 2022, Công ty đã tổ chức 24 chương trình đào tạo lớn nhỏ với tổng số 1.223 lượt lao động được tham gia đào tạo (tăng 70% so với năm 2021), trong đó có 10 chương trình đào tạo nội bộ tương ứng với 853 lượt lao động. Tổ chức đào tạo, nâng bậc lương cho 269 lao động, trong đó xét nâng bậc lương cho

105 lao động gián tiếp và phụ trợ, tổ chức thi nâng bậc cho 164 lao động trực tiếp. Đào tạo nghiệp vụ từ 3-6 tháng tại các phòng nghiệp vụ cho 15 lượt lao động. Đào tạo hiện trường công tác nghe rõ rì, công tác tháo đồng hồ kiểm định cho công nhân nữ...

Công ty tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, nhân viên gián tiếp và các lao động trực tiếp để nâng cao năng lực điều hành, chất lượng thực hiện nhiệm vụ nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng lao động, tăng giá trị thặng dư nhờ sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực hiện có để nâng cao năng suất làm việc, đảm bảo đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Công ty thực hiện chuẩn hóa nhân sự đầu vào, tiến hành phỏng vấn các ứng viên đảm bảo tuyển dụng người lao động minh bạch, công bằng, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của công việc. Đối với một số vị trí lao động cần thiết bổ sung, Công ty nghiên cứu rà soát các lao động nội bộ, đăng tuyển nội bộ công khai trong toàn Công ty, thực hiện phỏng vấn và lựa chọn ứng viên phù hợp nhất nhằm đáp ứng nhu cầu công việc nhưng không tăng số lượng lao động.

Công ty đảm bảo chính sách đãi ngộ cho người lao động công khai, minh bạch, công bằng, chính sách lương, thưởng gắn liền với hiệu quả công việc nhằm tạo động lực để người lao động sáng tạo trong công việc, gắn bó lâu dài với Công ty, nâng cao tinh thần trách nhiệm và tạo tinh thần thi đua học hỏi, không bình quân chủ nghĩa, luôn tìm cách đa dạng hóa hình thức đãi ngộ và mở rộng đối tượng đãi ngộ liên quan đến người lao động có chuyên môn giỏi, trình độ cao, có tinh thần trách nhiệm, nhiệt huyết, đam mê với công việc.

+ *Chính sách lương, thưởng:*

Xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở định mức lao động hợp lý. Trả lương phù hợp với năng suất làm việc cụ thể của từng người.

Có chế độ khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có sáng kiến cải tiến sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động: Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN, chế độ tiền lương, tiền phép...

Tiền thưởng được Công ty thực hiện chi trả vào cuối năm. Công ty thưởng cho người lao động theo mức độ hoàn thành công việc của người lao động nhằm khuyến khích người lao động phấn đấu hoàn thành tốt công việc được giao theo chức năng, nhiệm vụ (Tùy vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, tính chất đặc thù công việc Công ty sẽ quyết định cụ thể cho từng bộ phận). Ngoài ra căn cứ vào quỹ tiền thưởng hiện có, Công ty sẽ trích thưởng cho người lao động vào các dịp lễ, Tết và thưởng đột xuất cho người lao động có những thành tích xuất sắc trong công việc được giao.

+ *Chính sách phúc lợi:*

Công ty luôn thực hiện trang bị đầy đủ dụng cụ an toàn, bảo hộ cho người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% cán bộ công nhân viên trong Công ty. Ngoài các chế độ bảo hiểm theo quy định (BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN...), Công ty còn thực hiện mua thêm bảo hiểm thân thể cho người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty có những chính sách góp phần động viên, quan tâm, chia sẻ nhiều hơn tới người lao động như thăm hỏi việc hiếu, tặng quà ngày lễ, ngày kỷ niệm, nghỉ hưu, công nhân lao động lên đường nhập ngũ và khen thưởng con CBCNV có thành tích cao trong học tập.

Công ty đã chủ động nghiên cứu, áp dụng các giải pháp về khen thưởng, bố trí lao động như:

- Xây dựng quy định khen thưởng phát hiện sự cố nghe rò rỉ.
- Xây dựng quy định khen thưởng hoàn thành các chỉ tiêu vệ sinh bể chứa.
- Xây dựng đơn giá khoán đối với công nhân ghi số, ghi thu đồng thời.
- Triển khai sổ nhật trình phân công công việc điện tử giúp rút ngắn thời gian kiểm soát khối lượng công việc của người lao động, nâng cao vai trò của cán bộ quản lý trong quản lý lao động.
- Triển khai đánh giá cán bộ quản lý cấp trung giúp đội ngũ cán bộ chủ chốt tự nhìn nhận, đánh giá năng lực, hiệu quả công việc từ đó rút ra kinh nghiệm nhằm cải thiện chất lượng công việc.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2022, Công ty đã hoàn thành đưa vào sử dụng tài sản từ hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân trong Tỉnh, phát huy hiệu quả nguồn vốn của Công ty. Tổng giá trị tài sản hình thành từ đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022 là 194.595 triệu đồng, giảm 48.710 triệu đồng, tương đương 20,02% so với năm 2021 (năm 2021 là 243.305 triệu đồng); giá trị khối lượng thực hiện năm 2022 là 87.815 triệu đồng; giá trị giải ngân từ 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 là: 86.414 triệu đồng.

- *Các dự án, công trình trọng tâm hoàn thành đưa vào sử dụng:*

+ Dự án: Đầu tư tuyến ống HDPE D560 từ NMN Hoàn Bồ đến cầu Bang tăng cường cấp nước cho KV phía Đông TP Hạ Long.

+ Dự án: Đầu tư tuyến ống gang D500, D600 từ Nhà máy nước Yên Lập đến cầu Hùng Thắng I, tăng cường khả năng cấp nước khu vực Tây thành phố Hạ Long.

+ Dự án: Đầu tư xây dựng bể chứa nước sạch 4.000 m³ - Nhà máy nước Diễn Vọng.

+ Dự án: ĐT ống HDPE D315 từ hồ mắt rồng đến DA tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng Sonasea Vân Đồn Harbor city (gđ2).

+ Dự án: Đầu tư thay thế các tuyến ống gang đã xuống cấp tại khu đô thị Vượng Đông - Hà Khánh A.

+ Dự án: ĐT tuyến ống HDPE D315+225 từ trước cây xăng Kim Long - VTuy 1 đến Ngõ Long Ngân Vĩnh Hòa-P.MK(2022).

+ Dự án: Thay thế tuyến ống HDPE D225 qua cầu Bang bằng ống HDPE D400-560 nhằm TCCN khu vực Cao Xanh, Hà Khánh, Yết Kiêu.

+ Dự án: Đầu tư, thay thế các tuyến ống gang, thép tại phố nhánh cột 3,5,8.

+ Dự án: Cải tạo nâng công suất nhà máy nước Dương Huy lên 5.000 m³ (2021).

+ Dự án: Cải tạo trạm bơm tăng áp Cái Lân nhằm bổ sung công suất cấp nước cho khu du lịch Bãi Cháy.

+ Dự án: ĐT tuyến ống HDPE D225 đoạn từ ngã 3 Hải Quân đến TBTA Bến Phà, bổ sung cấp nước cho khu du lịch Bãi Cháy.

+ Dự án: Trạm bơm, hồ chứa nước thô tại Xã Liên Hoà Quảng yên.

+ Dự án: ĐT lắp đặt HT hút, xả bùn kiểu xiphong tại bể lắng ngang NMN Đồng Ho.

+ Dự án: Đầu tư mạng phân phối HDPE D160+110+90+75+50 Khu Đồng Vông, Khu Công Bắc, Giếng Mụi, P. Cộng Hoà.

+ Dự án: ĐTXD phòng thí nghiệm kiểm soát chất lượng nước đạt chuẩn iso/IEC 17025:2017.

+ Dự án: Cải tạo, nâng cấp bể thu bùn và sân phơi bùn Nhà máy nước Hoàn Bò (2021).

+ Dự án: Di chuyển, LD cụm thiết bị xử lý tại NMN Cộng hòa và NMN Dương huy nâng công suất NMN dương huy lên 7.000 m³/ngđ

+ Dự án: Lắp đặt hệ thống thiết bị tự động hóa NMN Diễn vọng.

- Các dự án đang triển khai:

+ Dự án: Cải tạo, nâng công suất NMN Hoàn Bò từ 10.000 m³/ngđ lên 20.000 m³/ngđ.

+ Dự án: Nhà máy nước Khe Mai Công suất 6.000m³/ngđ.

+ Dự án: ĐT ống D560 HDPE từ cầu Hùng thắng 1 đến nhà nghỉ điều

duỡng 368 đê tăng cường k/năng truyền tải.

+ Dự án: DC TB nước thô XD tại đập Cao Vân đảm bảo ổn định CS khai thác và ATCN của NMN Diên Vọng.

+ Dự án: ĐT xây dựng NMN Yên Lập công suất 26.000 m³/ngđ (giai đoạn 2)

+ Dự án: Nhà quản lý điều hành sản xuất XNN Cẩm Phả tại phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả.

+ Dự án: Đầu tư tuyến ống HDPE D355 đoạn từ cầu sông sinh 2 đến khu đô thị Việt Long.

+ Dự án: Nhà quản lý điều hành - XNN Vân Đồn.

+ Dự án: Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước Diên Vọng thêm 29.500 m³/ngđ

+ Dự án: Lắp đặt hệ thống tháp trung hòa clo công suất trung hòa 500kg tại NMN Yên Lập.

+ Dự án: ĐT tuyến ống HDPE D560 từ cầu bang đến cầu K67 tăng cường k/năng cấp nước KV phía Đông TP hạ long.

+ Dự án: Trạm quản lý cấp nước huyện Ba Chẽ (San nền, hàng rào, nhà quản lý văn phòng Trạm Ba Chẽ)

+ Dự án: ĐT TT tuyến ống HDPE D110 và D50 tại khu nhà ở gia đình QN BTL Vùng I Hải Quân (2022).

+ Dự án: Đổ bê tông thành vòm hầm tuynel đặt ống D1250 Khu bể 3000 m³ công trời NMN Diên Vọng.

Một số công trình khác đang được thực hiện đảm bảo theo kế hoạch.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | % tăng giảm |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| 1. Tổng giá trị tài sản | 1.238.533.188.497 | 1.163.130.525.222 | -6,09 |
| 2. Doanh thu thuần | 612.338.177.924 | 653.998.151.019 | 6,8 |
| 4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 52.207.490.400 | 55.690.683.256 | 6,67 |
| 5. Lợi nhuận khác | 59.704.110 | -134.463.980 | -325,22 |

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | % tăng giảm |
|-------------------------|----------------|----------------|-------------|
| 6. Lợi nhuận trước thuế | 52.267.194.510 | 55.556.219.276 | 6,3 |
| 7. Lợi nhuận sau thuế | 42.033.877.475 | 44.493.859.664 | 5,85 |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2021 | Năm 2022 |
|--|-----|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | Lần | 0,14 | 0,28 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn | Lần | 0,08 | 0,19 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 51,25 | 46,81 |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 105,11 | 88,01 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | Lần | 28,2 | 27,3 |
| + Doanh thu thuần/Tổng TSBQ | Lần | 0,52 | 0,54 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 6,86 | 6,8 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 7,04 | 7,28 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân | % | 3,57 | 3,71 |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần | % | 8,53 | 8,52 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 50.831.593 cổ phần.

Trong đó: + Cổ phần phổ thông: 50.831.593 cổ phiếu.

+ Cổ phần ưu đãi (biểu quyết/cổ tức/hoàn lại): 00 cổ phiếu.

- Tổng số cổ phần đã đăng ký: 50.831.593 cổ phiếu

Trong đó: + Cổ phần phổ thông: 50.831.593 cổ phiếu.

+ Cổ phần ưu đãi (biểu quyết/cổ tức/hoàn lại): 00 cổ phiếu.

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 50.831.593 cổ phiếu (chiếm 100% chứng khoán đăng ký)

b) Cơ cấu cổ đông (Số liệu cổ đông tính đến ngày 10/8/2022):

| STT | Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|------------------|--------------------|------------------|-------------------|-----------------------------------|
| 1 | Cổ đông trong nước | 992 | 50.825.093 | 99,99% |
| 1.1 | Tổ chức | 02 | 48.960.593 | 96,32% |
| 1.2 | Cá nhân | 990 | 1.864.500 | 3,67% |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | 01 | 6.500 | 0,01% |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | 00 | 00 | 00% |
| Tổng Cộng | | 993 | 50.831.593 | 100% |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh là đơn vị duy nhất thực hiện việc xử lý và cung cấp nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, do đó giữ một vai trò đặc biệt quan trọng đối với mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội. Hiện nay Công ty đã và đang thực hiện tốt công tác cấp nước tới các cơ quan chính quyền, các bệnh viện, trường học, các khu công nghiệp và khu dân cư trong Tỉnh đảm bảo phát triển kinh tế - an sinh xã hội.

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo môi trường và thực hiện trách nhiệm với xã hội, trách nhiệm với Nhà nước; tôn trọng quyền lợi của cổ đông, đối tác, khách hàng, người lao động và cộng đồng. Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện nộp thuế, phí, lệ phí vào ngân sách Nhà nước đạt xấp xỉ 128,68 tỷ đồng; từ nhiều năm nay Công ty đã thực hiện xây và đưa vào sử dụng nhà kho chứa chất thải nguy hại theo quy định, thực hiện các quy trình thu, xử lý bùn thải đảm bảo yêu cầu, tổ chức phát

động các chương trình trồng cây xanh trong khuôn viên trạm sản xuất, tuyên truyền, vận động người dân cùng chung tay bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a) Đánh giá kết quả hoạt động

Năm 2022, chương trình công tác trọng tâm “*Tiếp tục nỗ lực triển khai thông suốt các nhiệm vụ nhằm khôi phục đà tăng trưởng sản xuất kinh doanh, từng bước xây dựng và hoàn thiện văn hoá Quawaco*”, với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng sự tập trung trí lực của các phòng ban, đơn vị tình hình sản xuất kinh doanh năm 2022 đã đạt những kết quả như sau:

Thực hiện mục tiêu kép vừa phòng ngừa, chung tay đẩy lùi dịch Covid - 19, vừa thúc đẩy sản xuất kinh doanh, khôi phục và tạo đà tăng trưởng cho kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty. Sản lượng nước tiêu thụ toàn công ty trong năm 2022 đạt 61,605 triệu m³, đạt 102,23% so với kế hoạch của tỉnh giao, tăng 1,39% so với cùng kỳ. Tổng doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ trước thuế toàn Công ty năm 2022 đạt hơn 653,998 tỷ đồng, đạt 106,70% so với kế hoạch, tăng 6,8% so với cùng kỳ. Tỷ lệ thất thoát năm 2022 đạt 11,81%, tăng 0,9% so với kế hoạch cả năm và giảm 0,16% so với lũy kế cùng kỳ. Năm 2022, Công ty đã phát triển được hơn 9.247 hộ khách hàng, đạt 80,07% so với kế hoạch năm, giảm 30,24% so với lũy kế cùng kỳ. Tổng số hộ khách hàng tính đến hết tháng 12/2022 là 264.599 hộ.

- Thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn cấp nước, mở rộng hệ thống cấp nước, ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất lao động nhằm tăng sản lượng doanh thu, tăng độ phủ cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát, nâng cao đời sống vật chất và tạo động lực cho cán bộ công nhân viên (CBCNV).

- Thực hiện nhiều các giải pháp tăng doanh thu, tự thực hiện các công trình xây lắp; tiếp tục thực hiện chính sách “thắt lưng buộc bụng”, “tiết kiệm chi phí sản xuất. Giám sát, đôn đốc, chỉ đạo đẩy nhanh triển khai đầu tư các dự án, nhất là các dự án, công trình trọng tâm. Tăng cường quản lý trong tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty. Thường xuyên, sâu sát trong lãnh đạo, chỉ đạo bảo đảm đời sống thu nhập cho người lao động.

b) Những tiến bộ công ty đã đạt được

Công ty đã chỉ đạo tích cực, sâu sát các phòng, ban đơn vị đối với công tác quản lý kỹ thuật, quản lý vận hành nhà máy, mạng lưới cấp nước. Áp dụng các công nghệ mới trong sản xuất, thực hiện đầu tư các công trình trọng điểm để nâng cao năng lực cấp nước, từng bước ứng dụng khoa học công nghệ vào sản

xuất:

- Từng bước triển khai công tác ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin trong sản xuất. Nâng cấp và duy trì ổn định của các phần mềm quản lý góp phần tích cực trong việc nâng cao hiệu quả, năng lực chỉ đạo điều hành. Phối hợp các đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ, xây dựng phần mềm ký hoá đơn điện tử; hoàn thiện và đưa phần mềm thu tiền nước Online vào sử dụng, tạo điều kiện cho khách hàng có thể thanh toán tiền nước tại tất cả các điểm thu; hoàn thiện phần mềm quản lý giao việc cho tổ trạm trên điện thoại sử dụng hệ điều hành android, đã áp dụng thử nghiệm tại các trạm Hồng Hải, Hòn Gai-XNN Hòn Gai; Phần mềm 474 phục vụ công tác thống kê, rà soát lại thông tin khách hàng theo kế hoạch 474 và phần mềm quản lý giao nhận hồ sơ. Tiếp tục hoàn thiện và chỉnh sửa các phát sinh của phần mềm kinh doanh, phần mềm đồng hồ đáp ứng yêu cầu của các phòng nghiệp vụ

- Về giám sát Hệ thống cấp nước: Trung tâm SCC đã theo dõi, kiểm soát các thông số vận hành hệ thống cấp nước trong toàn Công ty liên tục 24/7 thông qua Hệ thống giám sát lưu lượng, áp lực từ xa SCADA, phát hiện kịp thời các sự cố cấp nước và chuyển tiếp thông tin xử lý cho các đơn vị một cách nhanh chóng, đảm bảo thời gian gián đoạn cấp nước là thấp nhất. Thực hiện điều phối, điều tiết áp lực, lưu lượng tại cụm Hồng Gai – Diễn Vọng – Cẩm Phả, Bãi Cháy, Uông Bí, Quảng Yên đảm bảo khai thác tối đa nguồn nước phục vụ thỏa mãn nhu cầu khách hàng, giám sát áp lực cấp nước tại các điểm cao, xa khó cấp cuối tuyến. Theo dõi và phát hiện các điểm SCADA bị sự cố để xử lý kịp thời. Công ty quy hoạch, lập trình lại trang giám sát, điều hành cấp nước các điểm scada trên toàn Công ty, đề xuất điều chuyển, thu hồi, lắp mới các điểm scada hợp lý cho việc theo dõi hệ thống cấp nước.

- Về tiếp nhận xử lý thông tin phản hồi khiếu nại của khách hàng: Tiếp nhận thông tin phản hồi khách hàng qua đầu số tổng đài 1900 545 520, Zalo OA và các thông tin, phản hồi của khách hàng qua các kênh khác như facebook, website, thực hiện tư vấn, hỗ trợ, giải đáp, xử lý tất cả nhu cầu của khách hàng liên quan đến các dịch vụ của Quawaco; phối hợp với các đơn vị xử lý các phản hồi của khách hàng; theo dõi, tổng hợp báo cáo về tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi, khiếu nại của khách hàng. Trong năm 2022 Trung tâm SCC đã tiếp nhận 1.621 cuộc gọi của khách hàng, thực hiện các cuộc gọi cho khách hàng (trong năm 2022 đã thực hiện tổng 9.987 cuộc gọi) để lấy ý kiến đánh giá chất lượng phục vụ (về đăng ký phát triển mới, về dịch vụ rửa bể, về khách hàng kết nối thanh toán không dùng tiền mặt...), qua đó đánh giá được chất lượng dịch vụ để Công ty có những giải pháp điều chỉnh kịp thời, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng.

- Về chất lượng nước: việc kiểm soát chất lượng nước luôn được quan tâm, kiểm soát, chất lượng nước được đảm bảo đến từng hộ khách hàng. Trong năm 2022, Công ty đã chú trọng trong công tác rà soát, kiểm soát hóa chất sử dụng tại các đơn vị sản xuất cấp nước trong toàn Công ty từ đó giảm thiểu các nguy cơ định lượng dư hóa chất gây lãng phí trong sản xuất và Công ty cũng đã thay đổi một số loại hóa chất phù hợp giúp giảm chi phí sản xuất nước máy. Bên cạnh đó Công ty đã xây dựng kịch bản ứng phó với các diễn biến nước đục đặc biệt trong mùa mưa lũ để có phương án thực hiện khi cần.

Năm 2022 Công ty đã thực hiện đúng tinh thần “thắt lưng, buộc bụng”, quản lý tài chính chặt chẽ, đảm bảo tiết kiệm chi phí sản xuất. Việc thanh quyết toán thực hiện theo đúng các quy định và chính sách của Nhà nước. Thực hiện tốt việc cân đối thu – chi, thanh toán các khoản nợ phải trả đúng thời hạn, đảm bảo minh bạch tài chính.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Đồng

| Khoản mục | Nguyên giá | Giá trị còn lại | % GTCL/ Nguyên giá |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Tài sản cố định hữu hình | 2.652.949.414.624 | 1.001.876.468.093 | 37,76 |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 655.127.028.773 | 265.793.423.272 | 40,57 |
| Máy móc, thiết bị | 383.244.527.396 | 91.886.489.561 | 23,98 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 1.609.098.706.647 | 642.732.956.678 | 39,94 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 5.479.151.808 | 1.463.598.582 | 26,71 |
| Tài sản cố định vô hình | 6.569.418.133 | 1.070.648.969 | 16,3 |
| Quyền sử dụng đất | 0 | 0 | 0 |
| Quyền phát hành | 90.000.000 | 0 | 0 |
| Phần mềm máy vi tính | 2.817.721.929 | 726.452.714 | 25,78 |
| Giấy phép và giấy nhượng quyền | 2.106.137.113 | 344.196.255 | 16,34 |
| TSCĐ vô hình khác | 1.555.559.091 | 0 | 0 |
| Tổng cộng | 2.659.518.832.757 | 1.002.947.117.062 | 37,71 |

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2022 |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Nợ ngắn hạn | 349.276.725.773 | 280.590.629.720 |
| Phải trả cho người bán | 139.464.142.578 | 59.594.875.005 |
| Người mua trả tiền trước | 839.432.777 | 680.719.752 |
| Thuế và các khoản phải nộp cho NN | 13.978.660.412 | 12.941.860.703 |
| Phải trả cho người lao động | 76.945.776.544 | 69.034.280.905 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 1.686.567.511 | 1.558.988.385 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 2.635.692.900 | 2.026.017.187 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 93.992.396.307 | 113.635.387.173 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | 19.734.056.744 | 21.118.500.610 |
| Nợ dài hạn | 285.418.179.997 | 263.879.332.620 |
| Phải trả dài hạn khác | 1.812.492.438 | 2.328.198.450 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 283.605.687.559 | 261.551.134.170 |
| Tổng cộng | 634.694.905.770 | 544.469.962.340 |

- **Nợ xấu:** Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi của Công ty:

Đơn vị: Đồng

| Đơn vị | 31/12/2021 | | 31/12/2022 | |
|---|------------|------------------------|------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| UBND phường Bãi Cháy | 52.658.686 | 0 | 52.658.686 | 0 |
| Công ty CP đầu tư Xây dựng Thành Thắng | 41.796.000 | 0 | 41.796.000 | 0 |
| Ban Quản lý các dự án Công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh | 42.427.042 | 0 | 42.427.042 | 0 |
| Công ty CP kiến trúc Đa Dạng | 94.116.909 | 0 | 94.116.909 | 0 |
| Công ty CP Xây dựng DCC | 72.471.000 | 0 | 72.471.000 | 0 |

| | | | | |
|---|--------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| Trung tâm phát triển Quỹ đất Thành phố Uông Bí | 36.963.000 | 0 | 36.963.00 | 0 |
| Công ty TNHH Xây dựng và phát triển hạ tầng Hưng Thịnh Phát | 39.500.000 | 0 | 39.500.000 | 0 |
| Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng hạ tầng Phương Đông | 39.241.000 | 0 | 39.241.000 | 0 |
| Các đối tượng khác | 191.349.904 | 114.294.724 | 598.104.413 | 264.000.000 |
| Tổng cộng | 610.523.541 | 114.294.724 | 1.017.278.050 | 264.000.000 |

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Để kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch ngày một tăng cao của người dân, doanh nghiệp và chính quyền địa phương phục vụ phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh, trong thời gian qua Công ty đã chủ động đầu tư xây dựng mạng lưới cấp nước, cải tạo, nâng công suất các nhà máy, khu xử lý nước sạch. Một số dự án, công trình đầu tư mới, nâng công suất hệ thống cấp nước do Công ty làm chủ đầu tư nhằm đảm bảo cấp nước an toàn từ nguồn cấp đến hệ thống cấp nước, đáp ứng thỏa mãn nhu cầu của nhân dân, phân đấu cấp nước 24/7 tại tất cả các địa bàn do Công ty quản lý trong tương lai gần.

Công ty đã triển khai nhiều giải pháp nhằm cải cách các quy trình làm việc, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng như: thực hiện việc tiếp nhận thông tin phản hồi của khách hàng qua trung tâm chăm sóc khách hàng (Call center 24/7 tại Hotline 1900.545.520) để tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi từ khách hàng; đưa vào sử dụng phần mềm ghi – thu trên smartphone giúp tăng độ chính xác, giảm thời gian ghi số, thu tiền nước, giảm thời gian khách hàng phải chờ đợi nộp tiền; đẩy mạnh việc thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt đánh dấu bằng thỏa thuận hợp tác của Công ty với 5 ngân hàng thương mại (Vietcombank, Vietinbank, Agribank, BIDV, Sacombank) và một số dịch vụ trung gian thanh toán (Payoo, VNPTpay, Vnpay, ViettelPay...)... Hiện nay, Công ty đang nỗ lực đẩy mạnh chất lượng công tác chăm sóc khách hàng với mục tiêu nâng cao uy tín, hình ảnh, sự tin tưởng, hài lòng của khách hàng đối với Công ty.

Công ty tiếp tục ứng dụng Hệ thống giám sát lưu lượng, áp lực (SCADA) trong điều hành mạng lưới cấp nước và thực hiện giám sát hệ thống quan trắc chất lượng nước online tại các nhà máy nước và trên mạng lưới, hệ thống

camera giám sát an toàn bể chứa nước, nhà máy nước, hệ thống điều khiển tự động qua Internet các trạm bơm. Phần mềm số hóa mạng lưới cấp nước đã được hoàn thành tại các đơn vị phục vụ kịp thời cho công tác quản lý. Bên cạnh đó, Công ty đang nghiên cứu ứng dụng phần mềm quản lý mạng lưới cấp nước trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS - geographical information system) để hỗ trợ cho công tác quản lý mạng lưới trong tương lai.

Năm 2022 Công ty đã chỉnh sửa bổ sung Thỏa ước lao động tập thể (thăm hỏi việc hiếu, tặng quà ngày lễ, sinh nhật tập thể và cá nhân, ngày kỷ niệm, nghỉ hưu, công nhân lao động lên đường nhập ngũ và cho con CBCNV có thành tích học tập tốt, hỗ trợ xăng xe, hỗ trợ đi lại...) hỗ trợ góp phần động viên, quan tâm, chia sẻ nhiều hơn tới người lao động. Trong năm Công ty đã tổ chức chương trình “Quawaco chia sẻ yêu thương” nhằm chia sẻ, giúp đỡ, hỗ trợ người lao động làm việc tại Công ty có gia cảnh khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo

4. Kế hoạch định hướng trong năm 2023

| TT | Chỉ tiêu chủ yếu | ĐVT | Kế hoạch | Ghi chú |
|----|---------------------------------|------------|----------|-----------------------------|
| 1 | Nước khai thác: | 1.000 m3 | 75.190 | |
| | - Nước cần xử lý | 1000m3 | 71.263 | |
| | - Nước đảm bảo chất lượng | 1000m3 | 3.297 | |
| | - Nước cấp Nhiệt điện | 1000m3 | 3.737 | |
| 2 | Nước thương phẩm | 1.000 m3 | 68.768 | |
| 3 | Nước tiêu thụ (có doanh thu) | 1.000 m3 | 62.340 | Phần đầu tăng từ 3% trở lên |
| | - Nước sạch | 1000m3 | 58.603 | |
| | - Nước thô | 1000m3 | 3.737 | |
| 4 | Doanh thu nước máy (trước thuế) | Triệu đồng | 671.808 | |
| 5 | Phát triển khách hàng | Hộ | 10.300 | |
| 6 | Tỷ lệ thất thoát | % | 12,35 | |
| 7 | Rửa bể khách hàng | Hộ | 7.916 | |
| 8 | Kiểm định đồng hồ | Cái | 49.518 | |

5. Giải trình của Công ty đối với ý kiến kiểm toán:

- Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO như sau:
 “- Như đã trình tại Thuyết minh số 6 và Thuyết minh số 14, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang ngừng triển khai dự án Toà nhà chung cư Quawaco từ ngày 27 tháng 3 năm 2014. Tổng chi phí đầu tư vào dự án này và giá trị tạm ứng cho nhà thầu trên báo cáo tài chính của Công ty đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 61.522.861.960VNĐ và

528.188.000VNĐ (tương tự tại thời điểm ngày 01 tháng 01 tháng 2022). Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết tình trạng dở dang của dự án này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá giá trị tổn thất của dự án này (nếu có) và chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu liên quan đến khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn này không.”

- Ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

- Giải trình của Công ty đối với ý kiến kiểm toán:

Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh xin giải trình nguyên nhân và đưa ra phương án khắc phục như sau:

+ Nguyên nhân:

Dự án Toà nhà chung cư Quawaco được UBND tỉnh Quảng Ninh đồng ý chủ trương cho phép Công ty thi công và cấp nước Quảng Ninh (nay là Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh) được lập phương án xây dựng chung cư trên khu đất 1.959,0 m² tại Văn bản số 245/UBND-QLĐĐ ngày 12/01/2007. Ngày 17/11/2010 UBND tỉnh Quảng Ninh đã cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 22.121.000.161 cho dự án, trong đó: tổng mức đầu tư: 252.224 triệu đồng với mục đích xây dựng chung cư để bán cho cán bộ công nhân viên và các đối tượng khác. Tiến độ thực hiện: khởi công Quý IV/2010; hoàn thành và đi vào hoạt động Quý IV/2013. Dự án đã được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt quy hoạch tổng thể mặt bằng 1/500, đảm bảo tính pháp lý. Ngày 21/01/2016, UBND thành phố Hạ Long đã có Quyết định số 233/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/500, điều chỉnh số tầng của toà nhà từ 16 tầng nổi 02 tầng hầm còn lại 11 tầng nổi và 01 tầng hầm.

Do tình hình thị trường bất động sản trầm lắng, dự án không thu hút được nguồn vốn của bên có nhu cầu mua nhà. Do vậy, Công ty không có đủ nguồn vốn để tiếp tục đầu tư dự án. Bên cạnh đó, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Doanh nghiệp, trong đó tại điểm b và c, khoản 1,

Điều 21 có quy định “Doanh nghiệp nhà nước không được góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản”; “Trường hợp doanh nghiệp nhà nước đã góp vốn, đầu tư vào các lĩnh vực quy định tại Điểm b khoản này không thuộc trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư phải thực hiện phương án cơ cấu lại và chuyển nhượng toàn bộ số vốn đã đầu tư theo quy định”.

Dự án từ tháng 12/2013 đến nay dừng đầu tư, giá trị chi phí dở dang tại thời điểm 31/12/2022 được ghi nhận trên Báo cáo tài chính là 61.522.861.960 VND và giá trị tạm ứng cho nhà thầu là 528.188.000 VND.

+ Phương án khắc phục:

Ngày 13/12/2022, Công ty đã có Văn bản số 2178/CTN-QLĐT đề nghị UBND tỉnh Quảng Ninh (Chủ sở hữu) đồng ý đề xuất chủ trương cho Công ty được chấm dứt hoạt động đầu tư và trả lại đất thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có phiếu chuyển số: 6561/VP.UBND-PC ngày 16/12/2022, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/01/2023, Công ty đã nhận được Văn bản số 18/KHĐT-TTr ngày 04/01/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tham gia ý kiến đối với đề nghị của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh, trong đó: “*Thống nhất với Công ty tại Văn bản số 2178/CTN-QLĐT ngày 13/12/2022 về trình tự các bước thực hiện thủ tục tự chấm dứt hoạt động đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT ngày 9/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư*”.

Trên cơ sở ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, ngày 09/01/2023 Công ty tiếp tục có Văn bản 41/CTN-QLĐT gửi UBND tỉnh Quảng Ninh về việc đề xuất chủ trương chấm dứt hoạt động đầu tư dự án và trả lại đất thực hiện dự án toà nhà chung cư kết hợp dịch vụ Quawaco.

Ngày 24/02/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn bản 570/KHĐT-TTr báo cáo UBND tỉnh về việc chấm dứt hoạt động đầu tư dự án. Căn cứ các nội dung ý kiến Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 1335/VP.UBND ngày 9/3/2023 về việc chấm dứt hoạt động đầu tư dự án toà nhà chung cư, trong đó có ý kiến “*Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh nghiên cứu ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư để triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến việc chấm dứt hoạt động đầu tư của dự án toà nhà chung cư kết hợp dịch vụ Quawaco đảm bảo các quy định của Pháp luật; trường hợp còn có nội dung vướng mắc, chưa rõ, Công ty chủ động làm việc trực tiếp với Sở Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn thực hiện theo quy định*”.

Công ty hiện vẫn đang tiếp tục làm việc với các Sở ban ngành để được

hướng dẫn cụ thể việc thực hiện chấm dứt hoạt động đầu tư dự án. Sau khi dự án được chấm dứt, Sở tài chính sẽ hướng dẫn Công ty thực hiện việc thanh lý, xử lý chi phí dở dang của dự án và xác định giá trị quyền sử dụng đất, giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất để hoàn trả lại cho Công ty theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư 80/2017/TT-BTC ngày 02/8/2017 của Bộ Tài chính để thu hồi chi phí đã đầu tư vào dự án theo quy định.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, bám sát theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Lãnh đạo Công ty có nhiều biện pháp tích cực trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ và có kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn, nhờ đó Công ty đạt được hầu hết các chỉ tiêu đề ra.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, năm 2022 Công ty tiếp tục hoàn thành vượt mức Kế hoạch đã đặt ra: Sản lượng nước máy tiêu thụ là 61.604.620 m³, đạt 102,23% so kế hoạch, tăng tương đương 1.346.620m³, tăng 1,39% so năm 2021; Doanh thu tiêu thụ là 627.610 triệu đồng, đạt 106,61% (tăng 38.930 triệu đồng) so với kế hoạch; tăng 35.233 triệu đồng (tương đương 5,95%) so với năm 2021; Tỷ lệ thất thoát giảm 0,16% so năm 2021.

Công tác tài chính, kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn. Các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm được hoàn thành và được gửi cho các Sở, Ngành đúng kỳ hạn cho phép. Các quy định về chứng từ kế toán, Quy chế quản lý tài chính, quản lý chi tiêu được thực hiện đồng bộ từ cấp Công ty đến các đơn vị trực thuộc đã giảm thiểu được thiểu sót trong qua trình làm việc.

Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đều được Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị xem xét quyết định dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát.

Việc công bố thông tin tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

Công ty đã ý thức được việc đầu tư nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện công tác điều hành theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ nhằm hoàn thành chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao. Các thành viên của Ban Tổng giám đốc đã chủ động nắm bắt, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công

tác quản lý, điều hành; đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2022, ngoài việc thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy chế, quy định quản trị khác, HĐQT Công ty sẽ tập trung vào những kế hoạch, định hướng sau:

Nhất quán, kiên định trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành từ cấp Công ty đến cấp đơn vị, từ nhóm cán bộ lãnh đạo quản lý đến nhóm cán bộ gián tiếp, công nhân lao động trực tiếp. Đảm bảo thông suốt từ tư tưởng, nhận thức đến triển khai, hành động của toàn thể cán bộ, đảng viên, quần chúng lao động trong Công ty. Đề cao trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu đơn vị về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tăng cường, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả bộ máy lãnh đạo và toàn thể cán bộ, công nhân viên lao động, trong đó lực lượng công nhân trực tiếp là nòng cốt nhằm hướng tới mục tiêu **“Khách hàng là yếu tố trọng tâm, con người là yếu tố cốt lõi”**, đảm bảo công tác bảo đảm an ninh nguồn nước, duy trì cấp nước ổn định, an toàn, phục vụ nhu cầu sử dụng của khách hàng, Nhân dân.

- Rà soát, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện một số quy định liên quan để kịp thời khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các phòng ban, đơn vị. Xây dựng quy chế phối hợp giữa các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, trong đó hướng dẫn cách thức phối hợp đối với từng bộ phận, cá nhân theo chi tiết từng bước công việc; đặc biệt là cách thức phối hợp thực hiện công việc đối với các công việc sau giờ làm việc, các công việc cần ưu tiên xử lý gấp. Nguyên tắc phân luồng giải quyết công việc với các thứ tự ưu tiên trong trường hợp có nhiều công việc phát sinh cùng thời điểm.

- Tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác cung cấp thông tin về nguy cơ mất an toàn, an ninh nguồn nước, nguy cơ vi phạm hành lang tuyến ống, nguy cơ sự cố, thông tin sự cố... đến với người dân. Lan tỏa và thông suốt phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh nguồn nước, an toàn cấp nước. Phát triển các hình thức tự quản, tự bảo vệ hành lang, hệ thống cấp nước đến từng gia đình, cộng đồng khu dân cư, tổ chức quần chúng, cơ quan đơn vị, cơ sở. Phối hợp hướng dẫn cho các tổ chức, nhân dân tham gia xây dựng các quy chế phối hợp, tự nguyện ký cam kết không vi phạm hành lang, hệ thống cấp nước. Đảm bảo mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng nước đều có trách nhiệm tham gia phối hợp cùng đơn vị cấp nước.

- Đảm bảo thông suốt luồng thông tin đa chiều giữa Hội đồng quản trị - lãnh đạo phòng ban - đơn vị - người lao động và ngược lại, đảm bảo các nội dung chỉ đạo, phổ biến của lãnh đạo Công ty đến được với người lao động và

lãnh đạo Công ty kịp thời giải quyết những ý kiến thắc mắc, tâm tư của người lao động trong thực hiện nhiệm vụ. Bên cạnh đó phải đảm bảo luồng thông tin giữa “Khách hàng - Đơn vị - Công ty”, tăng cường tương tác, giao tiếp khách hàng, đảm bảo Công ty được lắng nghe, ghi nhận kịp thời những phản hồi từ phía khách hàng cũng như truyền đạt được đến khách hàng những công trình, phần việc mà Công ty đang nỗ lực thực hiện để đem đến những sản phẩm, chất lượng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng; Xoá bỏ tâm lý, vị thế độc quyền; Chủ động tìm kiếm khách hàng, vận động khách hàng lắp đặt sử dụng nước sạch; Liên tục chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện, chuẩn hoá cơ sở dữ liệu khách hàng; Giới thiệu đến khách hàng các dịch vụ, tiện ích khác của Công ty; Không ngừng đổi mới chất lượng dịch vụ, phục vụ, nâng tầm trải nghiệm dịch vụ khách hàng; Cung cấp các dịch vụ hậu mãi, tổ chức các hoạt động tri ân khách hàng.

- Tiếp tục thực hiện nhóm 04 nhiệm vụ giải pháp trọng tâm năm 2022¹, trong đó đặt giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số từng khâu, từng phần làm đòn bẩy gia tăng các giá trị mới cho Công ty cũng như khách hàng, tạo ra chuỗi các dịch vụ liên thông. Triệt để áp dụng phương thức giao dịch điện tử và tăng số khách hàng tham gia các dịch vụ trực tuyến; ứng dụng công nghệ hiện đại trong cải thiện chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, nâng tầm trải nghiệm dịch vụ khách hàng. Từ đó góp phần nâng cao tỷ lệ độ phủ nước sạch sinh hoạt, mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước, giữ vững đà phát triển sản xuất kinh doanh năm 2023.

- Chỉ đạo triển khai các kế hoạch nhằm gia tăng tỷ lệ khách hàng sử dụng các dịch vụ thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt, nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng sản phẩm và cung cách phục vụ của Công ty.

- Tập trung hoàn thiện mô hình quản trị của Công ty để đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ liên quan đến công tác thoái vốn nhà nước tại Công ty, đảm bảo tính đúng, tính đủ giá trị doanh nghiệp, tối đa hóa lợi ích của cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh có 07 (bảy) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trong cơ cấu Hội đồng quản trị gồm có:

¹ 04 nhiệm vụ trọng tâm 2022: Nỗ lực đảm bảo an ninh nguồn nước, mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước, ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất lao động.

- 01 (một) Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 06 (sáu) Ủy viên Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty:

| TT | Họ tên | Chức danh HĐQT | Cổ phần trực tiếp sở hữu | | Cổ phần đại diện sở hữu | | Ghi chú |
|----|------------------|-----------------|--------------------------|-------------|-------------------------|-------------|-------------------|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ % VDL | Số lượng | Tỷ lệ % VDL | |
| 1 | Vũ Văn Tuấn | Chủ tịch HĐQT | 22.200 | 0,044 | 48.880.593 | 96,16 | |
| 2 | Hoàng Ngọc Hà | Thành viên HĐQT | 21.300 | 0,042 | | | |
| 3 | Trịnh Văn Bình | Thành viên HĐQT | 27.200 | 0,054 | 45.000 | 0,08 | Công đoàn Công ty |
| 4 | Trần Mạnh | Thành viên HĐQT | 25.200 | 0,05 | | | |
| 5 | Nguyễn Thị Thanh | Thành viên HĐQT | 41.200 | 0,081 | | | |
| 6 | Tô Thị Hằng Nga | Thành viên HĐQT | 12.000 | 0,024 | 35.000 | 0,06 | Công đoàn Công ty |
| 7 | Nguyễn Đức Long | Thành viên HĐQT | 22.900 | 0,045 | | | |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, trong năm Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng quản trị, giám sát, định hướng và chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị đã giao nhiệm vụ cho từng thành viên để chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành. Năm 2022, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã có 05 phiên họp và 75 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, quyết định những nội dung quan trọng sau đây:

*** Các cuộc họp HĐQT:**

| TT | Phiên họp ngày | Thành viên tham gia | Nội dung quyết nghị |
|----|----------------|---------------------|---------------------|
|----|----------------|---------------------|---------------------|

| TT | Phiên họp ngày | Thành viên tham gia | Nội dung quyết nghị |
|----|----------------|---------------------|---|
| 1 | 31/03/2022 | 07/07 thành viên | <p>1. Bàn thống nhất về dự kiến thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.</p> <p>2. Thông qua chỉ đạo, phân giao chuẩn bị dự thảo các tài liệu, nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022</p> |
| 2 | 12/04/2022 | 07/07 thành viên | <p>1. Thông qua phương án thành lập phòng Quản lý đầu tư xây dựng.</p> <p>2. Thông qua điều động, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ quản lý trong Công ty.</p> <p>3. Điều chỉnh biểu chấm điểm xếp loại thi đua hàng tháng các đơn vị trong Công ty.</p> <p>4. Về việc giải thể Tổ sản xuất nước uống tinh khiết – Xí nghiệp nước Hồng Gai.</p> <p>5. Thông qua phương án tái cơ cấu nguồn vốn vay của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh.</p> <p>6. Điều chỉnh quy hoạch đối với dự án Trụ sở làm việc kết hợp văn phòng cho thuê, chung cư, dịch vụ tại phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long</p> <p>7. Hoàn thiện các báo cáo, đề xuất đối với các nội dung liên quan đến Dự án Toà nhà chung cư kết hợp dịch vụ Quawaco theo yêu cầu tại kết luận và kiến nghị của KTNN tại Báo cáo kiểm toán NSDP năm 2020</p> |
| 3 | 16/06/2022 | 07/07 thành viên | <p>1. Về việc điều động, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ quản lý trong Công ty.</p> <p>2. Thông qua các giải pháp, phương án đối với các nội dung liên quan đến Dự án Toà nhà chung cư kết hợp dịch vụ Quawaco.</p> <p>3. Thông qua kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng đề án cơ cấu lại doanh nghiệp, thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025.</p> <p>4. Thông qua thành lập Ban chỉ đạo thực hiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và phân giao nhiệm vụ cho từng thành viên Ban chỉ đạo.</p> |
| 4 | 30/08/2022 | 07/07 thành viên | <p>1. Về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý trong Công ty.</p> <p>2. Thông qua thông báo kết luận số 21/KH-TTr ngày 09/8/2022 của Thanh tra tỉnh Quảng Ninh</p> |

| TT | Phiên họp ngày | Thành viên tham gia | Nội dung quyết nghị |
|----|----------------|---------------------|--|
| | | | <p>về việc chấp hành pháp luật trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp cổ phần hoá sang kinh doanh đất xây dựng nhà ở và công tác cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước tại Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Quảng Ninh; Hội bàn phân công nhiệm vụ, đề xuất giải pháp thực hiện khắc phục các tồn tại, hạn chế, kiến nghị tại Kết luận Thanh tra.</p> <p>3. Thông qua nội dung họp bàn các giải pháp tháo gỡ khó khăn đối với Dự án Toà nhà chung cư kết hợp dịch vụ Quawaco.</p> |
| | | | <p>4. Thông qua các giải pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh 04 tháng cuối năm 2022 và kịch bản thực hiện sản lượng, doanh thu năm 2022; phân tích, dự báo quỹ tiền lương, thu nhập bị ảnh hưởng nếu không hoàn thành kế hoạch sản lượng, doanh thu năm 2022.</p> <p>5. Thông qua phân công xây dựng đề án "Cơ cấu lại doanh nghiệp và thoái vốn nhà nước giai đoạn 2021-2025"</p> |
| 5 | 08/12/2022 | 07/07 thành viên | <p>1. Thông qua Phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng các dự án, công trình; kế hoạch mua sắm máy móc thiết bị và vốn đầu tư năm 2023 của Công ty CP nước sạch Quảng Ninh.</p> |

*** Các lần lấy ý kiến bằng văn bản:**

| TT | Ngày lấy ý kiến | Thành viên Cho ý kiến | Nội dung quyết nghị |
|----|-----------------|-----------------------|--|
| 1 | 07/01/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phương án trả lại các thửa đất xây dựng tuyến ống trên địa bàn TP. Hạ Long, TX. Quảng Yên, TX. Đông Triều. |
| 2 | 12/01/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phương án sử dụng vốn đối với Dự án "Đầu tư xây dựng bể chứa nước sạch 4.000m ³ NMN Diễn Vọng. |
| 3 | 17/01/2022 | 07/07 thành viên | Phê duyệt kế hoạch vật tư chủ yếu năm 2022 của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh |
| 4 | 15/01/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua giấy uỷ quyền của Chủ tịch HĐQT Công ty uỷ quyền cho Tổng giám đốc Công ty |

| | | | |
|----|------------|------------------|--|
| | | | kết kết các loại hợp đồng: Hợp đồng tư vấn xây dựng, hợp đồng mua sắm hàng hoá, hợp đồng thi công xây dựng. |
| 5 | 20/01/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Dự án: Đầu tư xây dựng nâng cấp và cải tạo nhà máy nước Hoàn Bô từ 10.000m ³ /ngđ lên 20.000m ³ /ngđ. |
| 6 | 21/01/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua đề xuất hệ số phân phối nguồn sản xuất phụ. |
| 7 | 26/01/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua đề xuất chi phí tất niên và khai xuân năm 2022. |
| 8 | 07/03/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua một số quy chế áp dụng tại Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh (Quy chế trả lương, trả thưởng và hướng dẫn thực hiện; Quy chế đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng bậc lương và xét nâng lương; Quy chế xử lý cán bộ công nhân viên vi phạm nội quy lao động về sử dụng rượu bia trong giờ làm việc, sử dụng ma túy trong Công ty |
| 9 | 08/03/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua bộ đơn giá xây dựng điều chỉnh cho công tác lắp đặt, xây dựng phục vụ việc đấu nối phát triển khách hàng. |
| 10 | 16/03/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phương án trả lại thửa đất giếng bơm 56 tại phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long |
| 11 | 24/01/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua về việc thanh lý tài sản cố định năm 2022 |
| 12 | 18/03/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phương án tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 |
| 13 | 28/03/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua về việc thanh lý tài sản cố định năm 2022 (thanh lý tài sản thu hồi từ công trình lắp đặt tuyến ống HDPE D355 và di chuyển bơm 22Kw trạm bơm Nghĩa Lộ - Giai đoạn 1). |
| 14 | 28/03/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phê duyệt ban hành bộ thủ tục lắp đặt, thay thế, sửa chữa vật tư trong và sau cụm đồng hồ khách hàng. |

| | | | |
|----|------------|------------------|---|
| 15 | 31/03/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua quy chế thưởng phạt quỹ tiền lương đối với chỉ tiêu hoàn thành tỷ lệ thu tiền nước tại các đơn vị. |
| 16 | 07/04/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phương án dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021. |
| 17 | 20/04/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua đơn giá sản xuất vỏ hộp đồng hồ năm 2022 |
| 18 | 29/04/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng các dự án, công trình; kế hoạch mua sắm máy móc thiết bị và vốn đầu tư năm 2022 của Công ty CP nước sạch Quảng Ninh |
| 19 | 05/05/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua đơn giá sản xuất đai kẹp ống HDPE DN50, DN63, DN75, DN90 |
| 20 | 06/05/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua quy chế quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của Công ty CP nước sạch Quảng Ninh |
| 21 | 10/05/2022 | 07/07 thành viên | Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vật tư chủ yếu năm 2022 của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh |
| 22 | 11/05/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phương án vay vốn tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh để bổ sung nguồn vốn lưu động của Công ty |
| 23 | 18/05/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phương án khoán tiền lương ghi sổ đồng hồ, ghi – thu đồng thời |
| 24 | 28/05/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua đề xuất thực hiện thay thế, nâng cấp phần mềm kinh doanh |
| 25 | 30/05/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua dự thảo các nội dung họp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2022 |
| 26 | 31/05/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua điều chỉnh nguồn vốn đầu tư các công trình và vay vốn, thế chấp tài sản tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh |
| 27 | 01/06/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phê duyệt điều chỉnh đơn giá hộp bảo vệ đồng hồ D15 |

| | | | |
|----|------------|------------------|--|
| 28 | 13/06/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua đề xuất quy định thưởng, giảm trừ quỹ lương Tổ rửa bể đối với chỉ tiêu dịch vụ vệ sinh bể chứa tại quy chế nội bộ các đơn vị |
| 29 | 29/06/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua đề xuất phân phối tiền nhân công từ nguồn thu lắp đặt thay thế sửa chữa vật tư trong và sau cụm đồng hồ khách hàng |
| 30 | 30/06/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phê duyệt điều chỉnh đơn giá sản xuất đai kẹp ống HDPE |
| 31 | 30/06/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phê duyệt điều chỉnh đơn giá hộp bảo vệ đồng hồ nước D15 |
| 32 | 04/07/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua kế hoạch chi phí sản xuất nước theo yếu tố năm 2022 tại Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| 33 | 13/07/2022 | 07/07 thành viên | Quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 |
| 34 | 07/07/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2021 |
| 35 | 13/07/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua báo cáo, đề xuất giải quyết chế độ cho người lao động xin chấm dứt hợp đồng lao động khi đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội |
| 36 | 29/07/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua về việc thanh lý tài sản cố định thu hồi từ tuyến ống HDPE D200 L1052 từ cầu Sông Sinh đến đường xuống Bí Giàng thuộc tuyến ống UB06-D200 |
| 37 | 28/07/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phê duyệt điều chỉnh (lần 2) kế hoạch đầu tư xây dựng các dự án, công trình, kế hoạch mua sắm máy móc thiết bị và vốn đầu tư năm 2022 của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| 38 | 29/07/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua đề nghị phê duyệt Bộ đơn giá kiểm định đồng hồ đo nước lạnh |
| 39 | 02/08/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua báo cáo, đề xuất điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án Nhà máy nước Khe Mai tại xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh |
| 40 | 05/08/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua đề nghị hoàn thiện hồ sơ, thực hiện trả đất đối với thửa đất 19-5 tại phường Cẩm Phú, TP. Cẩm Phả |

| | | | |
|----|------------|------------------|---|
| 41 | 05/08/2022 | 07/07 thành viên | Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vật tư chủ yếu năm 2022 (lần 2) của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh |
| 42 | 08/08/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua đề nghị điều chỉnh đường kính ống công trình đầu tư tuyến ống từ bùng binh đại lộ Hoà Bình đến TBTA Hải Xuân |
| 43 | 10/08/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phê duyệt bảng đơn giá dịch vụ bảo dưỡng hệ thống đường ống cấp nước trong phòng vệ sinh và bảo dưỡng bình nóng lạnh |
| 44 | 18/08/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua tờ trình về việc điều chỉnh phương án sử dụng đất tại Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh |
| 45 | 25/08/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua đề nghị phê duyệt điều chỉnh (lần 2) đơn giá hộp bảo vệ đồng hồ đo nước D15 |
| 46 | 30/08/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua đề xuất điều chỉnh kế hoạch tiền lương quý III, phương án giao kế hoạch tiền lương quý IV khối sản xuất nước máy và đơn giá nhân công ghi số đồng hồ, ghi - thu đồng thời |
| 47 | 05/09/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phê duyệt bổ sung, điều chỉnh (lần 2) đơn giá đại kẹp ống năm 2022 |
| 48 | 12/09/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua đề xuất điều chỉnh khu vực áp dụng phụ cấp khu vực tại Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh |
| 49 | 16/09/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua báo cáo nguồn quỹ và đề xuất chi thưởng cho người lao động từ nguồn Quỹ khen thưởng, chi hoạt động phúc lợi |
| 50 | 23/09/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua báo cáo đề xuất chỉnh sửa quy chế trả lương, trả thưởng và hướng dẫn thực hiện |
| 51 | 03/10/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phương án thanh lý tài sản cố định năm 2022 tuyến ống trực chính và phân phối nước thuộc xã đảo Hà Nam |
| 52 | 13/10/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phương án sử dụng vốn đối với Dự án "Đầu tư xây dựng nâng cấp và cải tạo nhà máy nước Hoàn Bồ từ 10.000 m ³ /ngđ lên 20.000 m ³ /ngđ" |

| | | | |
|----|------------|------------------|--|
| 53 | 18/10/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phê duyệt sửa đổi, bổ sung Bộ thủ tục tư vấn cho khách hàng doanh nghiệp khi đấu nối, bàn giao hệ thống cấp nước cho Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh quản lý |
| 54 | 27/10/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phê duyệt bộ thủ tục khảo sát, thoả thuận và lắp đặt trụ cứu hoả trên hệ thống cấp nước do Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh quản lý |
| 55 | 27/10/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phương án sử dụng vốn đối với Dự án “Di chuyển trạm bơm nước thô, xây dựng tại đập Cao Vân đảm bảo ổn định công suất khai thác và an toàn cấp nước của nhà máy nước Diễn Vọng” |
| 56 | 27/10/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua Phương án trả lại một phần diện tích thửa đất bề 500m ³ tại phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả |
| 57 | 08/11/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Dự án: Trạm xử lý nước sạch tại xã An Sinh, thị xã Đông Triều |
| 58 | 23/11/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý trong Công ty |
| 59 | 24/11/2022 | 07/07 thành viên | Thông qua phê duyệt báo cáo, đề xuất điều chỉnh phương án lập dự toán chi phí nhân công tháo, lắp đối với đồng hồ kiểm định bất thường |
| 60 | 25/11/2022 | 07/07 thành viên | Phê duyệt điều chỉnh (lần 3) kế hoạch đầu tư xây dựng các dự án, công trình; Kế hoạch mua sắm máy móc thiết bị và vốn đầu tư năm 2022 của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh |
| 61 | 29/11/2022 | 07/07 thành viên | - Phê duyệt thanh lý tài sản cố định thuộc tuyến ống D315 từ Nhà máy Xi măng Hạ Long đến Công ty Hoá chất mỏ |
| 62 | 08/12/2022 | 07/07 thành viên | Phê duyệt bộ thủ tục và đơn giá cho thuê đồng hồ đo nước đối với các khách hàng sử dụng dịch vụ cấp nước của Công ty |

| | | | |
|----|------------|------------------|--|
| 63 | 09/12/2022 | 07/07 thành viên | Đề xuất chủ trương tự chấm dứt hoạt động đầu tư và trả lại đất thực hiện dự án Toà nhà chung cư kết hợp dịch vụ Quawaco |
| 64 | 12/12/2022 | 07/07 thành viên | Phê duyệt điều chỉnh bộ thủ tục khảo sát, thoả thuận và lắp đặt trụ cứu hoả trên hệ thống cấp nước Công ty quản lý |
| 65 | 12/12/2022 | 07/07 thành viên | Phê duyệt bộ đơn giá tháo dỡ lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước |
| 66 | 16/12/2022 | 07/07 thành viên | Phê duyệt kế hoạch kiểm chuẩn, bảo dưỡng đồng hồ đầu nguồn, đầu tuyến tại xưởng kiểm định năm 2023; Kế hoạch bảo dưỡng, đo đóng kiểm đồng hồ đầu nguồn, đầu tuyến tại hiện trường năm 2023 |
| 67 | 16/12/2022 | 07/07 thành viên | Phê duyệt kế hoạch kiểm định định kỳ đồng hồ đo nước lạnh năm 2023 |
| 68 | 16/12/2022 | 07/07 thành viên | Phê duyệt kế hoạch sản lượng - doanh thu (trước thuế) theo đơn giá năm 2023; kế hoạch phát triển khách hàng năm 2023 |
| 69 | 16/12/2022 | 07/07 thành viên | Xử lý công nợ không có khả năng thu hồi đến thời điểm 30/11/2022 |
| 70 | 19/12/2022 | 07/07 thành viên | Phê duyệt đề xuất khấu hao nhanh tài sản cố định năm 2022 |
| 71 | 23/12/2022 | 07/07 thành viên | Phê duyệt báo cáo các nguồn lương và dự kiến thu - chi thanh toán |
| 72 | 29/12/2022 | 07/07 thành viên | Phê duyệt đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy chế khen thưởng phát hiện sự cố đối với người nghe rò rỉ |
| 73 | 29/12/2022 | 07/07 thành viên | - Phê duyệt kế hoạch thất thoát nước sạch năm 2023 |
| 74 | 30/12/2022 | 07/07 thành viên | - Phê duyệt kế hoạch sử dụng hoá chất xử lý năm 2023 |
| 75 | 30/12/2022 | 07/07 thành viên | - Phê duyệt kế hoạch vật tư chủ yếu năm 2023 |

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:
Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự

phân công của Hội đồng quản trị.

e) **Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:** Không.

f) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:**

- Ông Vũ Văn Tuấn – Chủ tịch HĐQT – Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
- Ông Hoàng Ngọc Hà – Thành viên HĐQT – Cử nhân Quản trị kinh doanh, Thạc sỹ quản lý công.
- Ông Trịnh Văn Bình – Thành viên HĐQT – Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

| TT | Họ tên | Chức danh Ban kiểm soát | Cổ phần trực tiếp sở hữu | | Cổ phần đại diện sở hữu | | Ghi chú |
|----|----------------------|-------------------------|--------------------------|-------------|-------------------------|-------------|---------|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ % VDL | Số lượng | Tỷ lệ % VDL | |
| 1 | Bà Lê Thị Tâm | Trưởng Ban | 1.000 | 0,002 | | | |
| 2 | Phạm Duy Hiếu | Thành viên | 300 | 0,0006 | | | |
| 3 | Lưu Thị Hiền | Thành viên | 600 | 0,0012 | | | |
| 4 | Nguyễn Thị Thu Huyền | Thành viên | 1.000 | 0,002 | | | |
| 5 | Phạm Phương Dung | Thành viên | 0 | 0 | | | |

b) **Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã tiến hành họp: 04 cuộc họp để thông qua kết quả thực hiện công việc của mình.

- Ban kiểm soát tiến hành kiểm tra, giám sát tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty cụ thể:

+ Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành theo các quy định của pháp luật và của Công ty.

+ Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

+ Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng, và các cuộc họp hội ý HĐQT/tuần.

+ Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 thông qua các báo cáo kết quả công việc hàng tháng; Giám sát việc

thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông năm 2022, việc chấp hành điều lệ Công ty, pháp luật nhà nước với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ năm 2022.

+ Thẩm tra Báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Nhà nước.

+ Rà soát các Hợp đồng mua bán vật tư trong năm 2022.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

*** Hội đồng quản trị:**

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 07 người.

- Mức chi trả thù lao:

+ Chủ tịch HĐQT: Hưởng lương chuyên trách theo Quy chế trả lương trả thưởng của Công ty và thù lao người đại diện vốn nhà nước theo quy định: 4.050.000 đồng/tháng.

+ Các thành viên HĐQT: 2.160.000 đồng/người/tháng.

*** Ban Kiểm soát:**

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát: 05 người.

- Mức chi trả thù lao (hưởng lương hàng tháng):

+ Trưởng ban kiểm soát: Hưởng lương chuyên trách theo Quy chế trả lương trả thưởng của Công ty.

+ Các thành viên: Hưởng lương hàng tháng theo bậc nhân viên kinh tế tại Quy chế trả lương trả thưởng của Công ty *(do bố trí chuyên biệt, không kiêm nhiệm công tác khác nên không được hưởng thêm thù lao)*.

- Trong năm 2022, Công ty đã thực hiện phân phối tiền thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Trích Văn bản số 099/VACO/BCKiT.NV2 ngày 21/3/2023 của Công ty TNHH Kiểm toán VACO về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2022 của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh (đính kèm):

- Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO như sau: “- Như đã trình tại Thuyết minh số 6 và Thuyết minh số 14, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang ngừng triển khai dự án Toà nhà chung cư Quawaco từ ngày 27 tháng 3 năm 2014. Tổng chi phí đầu tư vào dự án này và giá trị tạm ứng cho nhà thầu trên báo cáo tài chính của Công ty đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 61.522.861.960VNĐ và 528.188.000VNĐ (tương tự tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2022). Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết tình trạng dở dang của dự án này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá giá trị tồn thất của dự án này (nếu có) và chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu liên quan đến khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn này không.”

- Ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO như sau: “Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Đính kèm theo Báo cáo này, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Trên đây là Báo cáo thường niên về hoạt động của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Ninh trong năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban CKNN (báo cáo);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (báo cáo);
- UBND tỉnh Quảng Ninh (báo cáo);
- HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc;
- Lưu: VT, TK1.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH
QUẢNG NINH
Vũ Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 386/VB-CTN

Hạ Long, ngày 21 tháng 3 năm 2023

V/v giải trình ý kiến kiểm toán
ngoại trừ trên BCTC năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hà Nội.

Thực hiện thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán VACO ngày 21/3/2022

1. Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh xin giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo tài chính kiểm toán như sau:

Công ty có dự án xây dựng Tòa nhà chung cư Quawaco tại Nguyễn Văn Cừ, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh nhằm mục đích bán cho cán bộ công nhân viên và các đối tượng khác với tổng dự toán là 213.341.841.000 VND đang tạm dừng thi công từ ngày 27/3/2014, giá trị chi phí dở dang tại thời điểm 31/12/2022 được ghi nhận trên Báo cáo tài chính là 61.522.861.960 VND và giá trị tạm ứng cho nhà thầu là 528.188.000 VND. Vị trí dự án chung cư Quawaco ở trung tâm thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, dự án đã được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt quy hoạch tổng thể mặt bằng 1/500, đảm bảo tính pháp lý. Tuy nhiên đến nay theo quy định Công ty không được tiếp tục thực hiện triển khai dự án.

Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn hiện nay và phù hợp với quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 13/12/2022, Công ty đã có văn bản số 2178/CTN-QLĐT đề nghị UBND tỉnh Quảng Ninh đồng ý đề xuất chủ trương cho Công ty được chấm dứt hoạt động đầu tư và trả lại đất thực hiện dự án. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có phiếu chuyển sở Kế hoạch và Đầu tư. Ngày 06/01/2023, Công ty đã nhận được văn bản số 18/KHĐT-TTr của sở Kế hoạch và Đầu tư ngày 04/01/2023 về việc tham gia ý kiến đối với đề nghị của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh. Trên cơ sở ý kiến của sở Kế hoạch và Đầu tư ngày 09/01/2023 Công ty tiếp tục có văn bản 41/CTN-QLĐT gửi UBND tỉnh Quảng Ninh về việc đề xuất chủ trương chấm dứt hoạt động đầu tư dự án và trả lại đất thực hiện dự án toà nhà chung cư kết hợp dịch vụ Quawaco. Ngày 24/2/2023, sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản 570/KHĐT-TTr báo cáo UBND tỉnh về việc chấm dứt hoạt động

đầu tư dự án. Căn cứ các nội dung ý kiến sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 1335/VP. UBND ngày 9/3/2023 về việc chấm dứt hoạt động đầu tư dự án toà nhà chung cư, trong đó có ý kiến “ Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh nghiên cứu ý kiến của sở Kế hoạch và Đầu tư để triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến việc chấm dứt hoạt động đầu tư của dự án toà nhà chung cư kết hợp dịch vụ Quawaco đảm bảo các quy định của Pháp luật; trường hợp còn có nội dung vướng mắc, chữa rõ, Công ty chủ động làm việc trực tiếp với sở Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn thực hiện theo quy định”.

Trên đây là giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh xin báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội biết./.

Trân trọng cảm ơn.!

Nơi nhận:

- Như kính gửi (b/c);
- HĐQT, BĐH Cty (p/h);
- Lưu: VT, KTT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Tuấn

VACO



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 9 - 29 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH

Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|---------------------|------------|
| Ông Vũ Văn Tuấn | Chủ tịch |
| Ông Hoàng Ngọc Hà | Thành viên |
| Ông Trịnh Văn Bình | Thành viên |
| Ông Trần Mạnh | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Thanh | Thành viên |
| Bà Tô Thị Hằng Nga | Thành viên |
| Ông Nguyễn Đức Long | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|--------------------|-------------------|
| Ông Hoàng Ngọc Hà | Tổng Giám đốc |
| Ông Trịnh Văn Bình | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Mạnh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Thế Đức | Phó Tổng Giám đốc |

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Vũ Văn Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.


CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG NINH

Số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, 



Vũ Văn Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Số: 099 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 21 tháng 3 năm 2023 từ trang 05 đến trang 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 và Thuyết minh số 14, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang ngừng triển khai dự án Tòa nhà chung cư Quawaco từ ngày 27 tháng 3 năm 2014. Tổng chi phí đầu tư vào dự án này và giá trị tạm ứng cho nhà thầu trên báo cáo tài chính của Công ty đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 lần lượt là 61.522.861.960 VND và 528.188.000 VND (tương tự tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2022). Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết tình trạng dở dang của dự án này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá giá trị tồn thất của dự án này (nếu có) và chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu liên quan đến khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán số 250322.001/BCTC.KT1 ngày 25 tháng 3 năm 2022 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về giá trị tồn thất (nếu có) của dự án Tòa nhà chung cư Quawaco đang tạm dừng triển khai.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Huyền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3652-2021-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 79.386.669.909 | 50.303.680.724 |
| I. Tiền | 110 | 4 | 34.231.966.451 | 6.802.149.645 |
| 1. Tiền | 111 | | 34.231.966.451 | 6.802.149.645 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 19.525.733.188 | 10.360.106.078 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5 | 2.097.686.615 | 4.994.831.887 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 6 | 13.450.917.869 | 1.923.620.809 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7 | 4.730.406.754 | 3.937.882.199 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 8 | (753.278.050) | (496.228.817) |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 9 | 24.953.952.960 | 22.873.664.868 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 24.953.952.960 | 22.873.664.868 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 675.017.310 | 10.267.760.133 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 10 | 176.742.454 | 80.591.770 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | 10.187.168.363 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | 11 | 498.274.856 | - |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.083.743.855.313 | 1.188.229.507.773 |
| I. Tài sản cố định | 220 | | 1.002.947.117.062 | 998.079.027.302 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 1.001.876.468.093 | 996.884.972.709 |
| - Nguyên giá | 222 | | 2.652.949.414.624 | 2.480.510.905.163 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (1.651.072.946.531) | (1.483.625.932.454) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | 1.070.648.969 | 1.194.054.593 |
| - Nguyên giá | 228 | | 6.569.418.133 | 6.108.744.775 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (5.498.769.164) | (4.914.690.182) |
| II. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 14 | 74.324.794.630 | 183.090.945.344 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | 61.522.861.960 | 61.522.861.960 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 12.801.932.670 | 121.568.083.384 |
| III. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6.471.943.621 | 7.059.535.127 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 10 | 6.471.943.621 | 7.059.535.127 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 1.163.130.525.222 | 1.238.533.188.497 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 544.469.962.340 | 634.694.905.770 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 280.590.629.720 | 349.276.725.773 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 15 | 59.594.875.005 | 139.464.142.578 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 16 | 680.719.752 | 839.432.777 |
| 3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 11 | 12.941.860.703 | 13.978.660.412 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 69.034.280.905 | 76.945.776.544 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 17 | 1.558.988.385 | 1.686.567.511 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 18 | 2.026.017.187 | 2.635.692.900 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 19 | 113.635.387.173 | 93.992.396.307 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 21.118.500.610 | 19.734.056.744 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 263.879.332.620 | 285.418.179.997 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 18 | 2.328.198.450 | 1.812.492.438 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 19 | 261.551.134.170 | 283.605.687.559 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 618.660.562.882 | 603.838.282.727 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 618.660.562.882 | 603.838.282.727 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 508.315.940.393 | 508.315.940.393 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 508.315.940.393 | 508.315.940.393 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 45.181.162.825 | 32.449.876.762 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 44.493.859.664 | 42.402.865.572 |
| - LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | - | 368.988.097 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 44.493.859.664 | 42.033.877.475 |
| 4. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | 20.669.600.000 | 20.669.600.000 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 1.163.130.525.222 | 1.238.533.188.497 |



Vũ Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Quảng Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Tô Thị Hằng Nga
Kế toán trưởng

Lê Thị Hậu
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| | | | | |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 22 | 653.998.151.019 | 612.338.177.924 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | | 653.998.151.019 | 612.338.177.924 |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 23 | 513.187.128.760 | 484.547.244.597 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 140.811.022.259 | 127.790.933.327 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 25 | 63.281.582 | 21.905.299 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 26 | 28.186.855.480 | 25.611.735.471 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 28.186.855.480 | 25.611.735.471 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 27 | 36.020.532 | 228.286.575 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 27 | 56.960.744.573 | 49.765.326.180 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 30 | | 55.690.683.256 | 52.207.490.400 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 28 | 1.441.994.148 | 2.333.657.240 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 29 | 1.576.458.128 | 2.273.953.130 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | (134.463.980) | 59.704.110 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 55.556.219.276 | 52.267.194.510 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 30 | 11.062.359.612 | 10.233.317.035 |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51) | 60 | | 44.493.859.664 | 42.033.877.475 |
| 17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 31 | 875 | 519 |



Vũ Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Quảng Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Tô Thị Hằng Nga
Kế toán trưởng

Lê Thị Hậu
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 774.148.807.163 | 723.492.355.550 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (134.181.529.676) | (156.558.296.647) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (217.295.329.755) | (198.388.141.679) |
| 4. Tiền lãi vay đã trả | 04 | (28.089.114.105) | (25.684.314.834) |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | (9.449.748.772) | (13.632.442.462) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 9.802.541.932 | 13.743.243.306 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (145.705.370.506) | (139.737.940.794) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 249.230.256.281 | 203.234.462.440 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (206.284.702.547) | (211.464.426.015) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | 862.063.680 | - |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 63.281.582 | 21.905.299 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (205.359.357.285) | (211.442.520.716) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 236.428.660.008 | 198.017.475.429 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (238.840.222.531) | (174.309.465.730) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (14.029.519.667) | (13.470.372.145) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (16.441.082.190) | 10.237.637.554 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 27.429.816.806 | 2.029.579.278 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 6.802.149.645 | 4.772.570.367 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) | 70 | 34.231.966.451 | 6.802.149.645 |



Vũ Văn Tuấn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Quảng Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Tô Thị Hằng Nga
Kế toán trưởng

Lê Thị Hậu
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Nước sạch Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5700100104 ngày 31 tháng 12 năm 2013 và thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 3 năm 2022 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.

Trụ sở chính của Công ty tại số 449 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.372 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.433 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác, sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;
- Quản lý dự án đầu tư cấp thoát nước trên địa bàn tỉnh;
- Đầu tư xây dựng các công trình cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường. Tổng thầu thực hiện các dự án cấp nước theo hình thức chia khóa trao tay;
- Sản xuất, kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Lập quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật cấp thoát nước.

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất, kinh doanh nước sạch và thi công lắp đặt công nghệ và đường ống cấp nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp: Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

| Các đơn vị trực thuộc | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|---|-----------------------------------|
| Xí nghiệp nước Đông Triều | Phường Đức Chính, TX. Đông Triều, Quảng Ninh | Kinh doanh nước sạch |
| Xí nghiệp nước Uông Bí | Đường Quang Trung, TP. Uông Bí, Quảng Ninh | Kinh doanh nước sạch |
| Xí nghiệp nước Quảng Yên | Phường Yên Giang, TX. Quảng Yên, Quảng Ninh | Kinh doanh nước sạch |
| Xí nghiệp nước Bãi Cháy | Phường Hùng Thắng, TP. Hạ Long, Quảng Ninh | Kinh doanh nước sạch |
| Xí nghiệp nước Hồng Gai | Đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, Quảng Ninh | Kinh doanh nước sạch |
| Trung tâm Tư vấn Thiết kế Xây dựng Cấp thoát nước | Đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, Quảng Ninh | Tư vấn thiết kế |
| Nhà máy nước Diên Vọng | Phường Quang Hanh, TP. Cẩm Phà, Quảng Ninh | Kinh doanh nước sạch |
| Xí nghiệp nước Cẩm Phà | Đường Trần Phú, TP. Cẩm Phà, Quảng Ninh | Kinh doanh nước sạch |
| Xí nghiệp nước Vân Đồn | Thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn, Quảng Ninh | Kinh doanh nước sạch |
| Xí nghiệp nước Miền Đông | Thị trấn Tiên Yên, huyện Tiên Yên, Quảng Ninh | Kinh doanh nước sạch |
| Xí nghiệp nước Móng Cái | Đường Nguyễn Du, TP. Móng Cái, Quảng Ninh | Kinh doanh nước sạch |
| Ban Quản lý dự án Cấp nước Quảng Ninh | Đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Hạ Long, Quảng Ninh | XD công trình cấp nước |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị khoảng 201 tỷ đồng. Tuy nhiên, mạng lưới cấp nước của Công ty liên tục mở rộng, doanh thu tăng trưởng tốt qua các năm, dòng tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Thực tế, cơ sở hạ tầng tỉnh Quảng Ninh đang tiếp tục phát triển, nên mạng lưới cung cấp nước sạch cũng vì thế mà được mở rộng liên tục, vì vậy, giá trị đầu tư vào tài sản cố định của Công ty là lớn, tiềm năng tăng trưởng doanh thu của Công ty được đánh giá là tốt, mặt khác với đặc thù kinh doanh nước sạch thì dòng tiền rất ổn định, đảm bảo cho khả năng thanh toán nợ ngắn hạn. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục nhận được nguồn tín dụng từ các ngân hàng thương mại. Do đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng áp dụng giả định hoạt động liên tục cho việc lập báo cáo tài chính của Công ty là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được hạch toán giảm, khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm khấu hao</u> |
|---------------------------------|------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 07 - 30 |
| Máy móc, thiết bị | 05 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 10 - 25 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với tài sản cố định là phương tiện vận tải truyền dẫn theo tỷ lệ 0,6 lần so với mức khấu hao theo khung đã lựa chọn, tổng giá trị khấu hao nhanh của các tài sản này khoảng 29 tỷ đồng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm khấu hao</u> |
|--------------------------------|------------------------|
| Phần mềm máy tính | 03 |
| Giấy phép và giấy nhượng quyền | 03 |
| Quyền phát hành | 03 |
| Tài sản cố định vô hình khác | 03 - 05 |

Quyền sử dụng đất không trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm: Giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng từ 1 đến 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty. Ngoài ra, Công ty thực hiện theo đổi tiền đường trực dân góp trên phải trả người bán ngắn hạn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các bên liên quan (Tiếp theo)

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|--|--------------------|
| Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh | Cổ đông chi phối |
| Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát | Lãnh đạo chủ chốt |

4. TIỀN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 1.605.116.574 | 1.631.322.360 |
| Tiền gửi ngân hàng | 32.626.849.877 | 5.170.827.285 |
| Cộng | 34.231.966.451 | 6.802.149.645 |

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu của khách hàng sử dụng nước | 1.259.938.620 | 2.472.904.319 |
| Phải thu các đối tượng khác | 837.747.995 | 2.521.927.568 |
| Cộng | 2.097.686.615 | 4.994.831.887 |

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Cơ điện Hawaco | 10.252.320.060 | - |
| Công ty Cổ phần Viwaseen 3 | 1.710.285.000 | - |
| Trung tâm Tư vấn Kiến trúc và Đầu tư Xây dựng (i) | 360.741.000 | 360.741.000 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng BHD (i) | 167.447.000 | 167.447.000 |
| Các đối tượng khác | 960.124.809 | 1.395.432.809 |
| Cộng | 13.450.917.869 | 1.923.620.809 |

Ghi chú:

(i) Đây là giá trị tạm ứng cho nhà thầu để triển khai dự án Tòa nhà chung cư Quawaco. Chi tiết về dự án được trình bày tại Thuyết minh số 14.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu vật tư tạm ứng thi công | 2.844.333.445 | 2.049.946.161 |
| Tạm ứng | 564.750.500 | 387.978.000 |
| Phải thu khác | 1.321.322.809 | 1.499.958.038 |
| Cộng | 4.730.406.754 | 3.937.882.199 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Kiến trúc Đa Dụng | 94.116.909 | - | 94.116.909 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng DCC | 72.471.000 | - | 72.471.000 | - |
| UBND phường Bãi Cháy | 52.658.686 | - | 52.658.686 | - |
| Ban Quản lý các Dự án công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh | 42.427.042 | - | 42.427.042 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thành Thăng - Cảng Cái Lân BC | 41.796.000 | - | 41.796.000 | - |
| Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Hưng Thịnh Phát | 39.500.000 | - | 39.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Phương Đông | 39.241.000 | - | 39.241.000 | - |
| Trung tâm Phát triển Quỹ đất TP. Uông Bí | 36.963.000 | - | 36.963.000 | - |
| Các khách hàng khác | 598.104.413 | 264.000.000 | 191.349.904 | 114.294.724 |
| Cộng | 1.017.278.050 | 264.000.000 | 610.523.541 | 114.294.724 |

9. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 24.529.611.427 | - | 22.340.738.025 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 192.042.096 | - | 263.710.037 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 232.299.437 | - | 269.216.806 | - |
| Cộng | 24.953.952.960 | - | 22.873.664.868 | - |

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------|----------------------|--|----------------------|--|
| | VND | | VND | |
| a) Ngắn hạn | | | | |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 148.814.239 | | 65.383.495 | |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 27.928.215 | | 15.208.275 | |
| Cộng | 176.742.454 | | 80.591.770 | |
| b) Dài hạn | | | | |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 4.842.528.374 | | 5.977.675.933 | |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 1.629.415.247 | | 1.081.859.194 | |
| Cộng | 6.471.943.621 | | 7.059.535.127 | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm | Số phải trả đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải trả cuối năm |
|---|------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | - | - | 7.251.046.099 | 6.393.911.950 | - | 857.134.149 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 2.585.259.330 | 11.062.359.612 | 9.449.748.772 | - | 4.197.870.170 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 417.057.805 | 982.498.309 | 868.574.358 | - | 530.981.756 |
| Thuế tài nguyên | - | 762.568.430 | 5.135.573.432 | 6.396.416.718 | 498.274.856 | - |
| Tiền thuế đất | - | - | 1.156.141.310 | 1.156.141.310 | - | - |
| Thuế đất phi nông nghiệp | - | - | 217.655.942 | 217.655.942 | - | - |
| Phí bảo vệ môi trường | - | 19.612.804 | 76.069.313 | 80.032.334 | - | 15.649.783 |
| Thuế môn bài | - | - | 14.000.000 | 14.000.000 | - | - |
| Phí cấp quyền khai thác tài nguyên | - | 2.537.742.000 | 4.326.251.549 | 6.863.993.549 | - | - |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 7.656.420.043 | 83.431.239.474 | 83.747.434.672 | - | 7.340.224.845 |
| Cộng | - | 13.978.660.412 | 113.652.835.040 | 115.187.909.605 | 498.274.856 | 12.941.860.703 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|---|-------------------------------------|--------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 639.276.177.261 | 369.828.284.815 | 1.466.149.096.311 | 5.257.346.776 | 2.480.510.905.163 |
| - Mua trong năm | - | 2.342.200.000 | 1.596.000.000 | 967.261.800 | 4.905.461.800 |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành | 22.212.259.230 | 16.442.075.828 | 155.940.792.993 | - | 194.595.128.051 |
| - Thanh lý, nhượng bán | (6.361.407.718) | (5.368.033.247) | (14.587.182.657) | (745.456.768) | (27.062.080.390) |
| Số dư cuối năm | 655.127.028.773 | 383.244.527.396 | 1.609.098.706.647 | 5.479.151.808 | 2.652.949.414.624 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 356.839.562.526 | 262.014.855.337 | 860.942.770.861 | 3.828.743.730 | 1.483.625.932.454 |
| - Khấu hao trong năm | 38.133.601.766 | 34.484.872.756 | 116.294.814.110 | 854.018.316 | 189.767.306.948 |
| - Thanh lý, nhượng bán | (5.639.558.791) | (5.141.690.258) | (10.871.835.002) | (667.208.820) | (22.320.292.871) |
| Số dư cuối năm | 389.333.605.501 | 291.358.037.835 | 966.365.749.969 | 4.015.553.226 | 1.651.072.946.531 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 282.436.614.735 | 107.813.429.478 | 605.206.325.450 | 1.428.603.046 | 996.884.972.709 |
| Tại ngày cuối năm | 265.793.423.272 | 91.886.489.561 | 642.732.956.678 | 1.463.598.582 | 1.001.876.468.093 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 728.451.503.328 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 610.460.877.324 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đang thế chấp các tài sản hình thành từ các dự án để bảo đảm cho các khoản vay tổ chức tín dụng, giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 607.550.486.026 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 348.230.929.403 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất | Quyền phát hành | Phần mềm máy vi tính | Giấy phép và giấy nhượng quyền | TSCĐ vô hình khác | Tổng cộng |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|----------------------|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 31.051.000 | 90.000.000 | 2.325.997.571 | 2.106.137.113 | 1.555.559.091 | 6.108.744.775 |
| - Mua trong năm | - | - | 491.724.358 | - | - | 491.724.358 |
| - Thanh lý, nhượng bán | (31.051.000) | - | - | - | - | (31.051.000) |
| Số dư cuối năm | - | 90.000.000 | 2.817.721.929 | 2.106.137.113 | 1.555.559.091 | 6.569.418.133 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | | |
| Số dư đầu năm | - | 90.000.000 | 1.719.594.133 | 1.567.119.264 | 1.537.976.785 | 4.914.690.182 |
| - Khấu hao trong năm | - | - | 371.675.082 | 194.821.594 | 17.582.306 | 584.078.982 |
| Số dư cuối năm | - | 90.000.000 | 2.091.269.215 | 1.761.940.858 | 1.555.559.091 | 5.498.769.164 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 31.051.000 | - | 606.403.438 | 539.017.849 | 17.582.306 | 1.194.054.593 |
| Tại ngày cuối năm | - | - | 726.452.714 | 344.196.255 | - | 1.070.648.969 |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.966.652.571 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.781.618.253 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đang thế chấp một số tài sản vô hình để bảo đảm cho các khoản vay tổ chức tín dụng, giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 231.362.366 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 0 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tòa nhà chung cư Quawaco | 61.522.861.960 | 61.522.861.960 | 61.522.861.960 | 61.522.861.960 |
| Cộng | 61.522.861.960 | 61.522.861.960 | 61.522.861.960 | 61.522.861.960 |

Ghi chú:

Tòa chung cư QUAWACO tại đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh:

- Tổng dự toán công trình: 213.341.841.000 VND;
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn tự có của Công ty và các nguồn vốn khác;
- Mục đích đầu tư: Xây dựng chung cư để bán cho cán bộ công nhân viên và các đối tượng khác;
- Giá trị tạm ứng cho nhà thầu và tổng chi phí dở dang đã tập hợp trên báo cáo tài chính của Công ty lần lượt là 528.188.000 VND (như đã trình bày tại Thuyết minh số 6) và 61.522.861.960 VND;
- Tình hình thực hiện: Dự án đã tạm ngừng triển khai từ ngày 27 tháng 3 năm 2014 để xin phê duyệt điều chỉnh quy hoạch. Ngày 21 tháng 01 năm 2016, Ủy ban Nhân dân thành phố Hạ Long đã ban hành Quyết định số 233/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/500 dự án này. Quy hoạch mới được phê duyệt đã điều chỉnh giảm số tầng của công trình từ 18 tầng xuống còn 12 tầng (gồm 11 tầng + 01 tầng hầm) và mở rộng diện tích mặt đất;

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, Công ty đã gửi Văn bản số 1315/CTN-KT tới UBND tỉnh Quảng Ninh, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh báo cáo về tiến độ thực hiện Dự án Tòa nhà chung cư Quawaco;

- Trong năm, Công ty đã có Văn bản số 549/CTN-KH ngày 15 tháng 4 năm 2022 báo cáo UBND tỉnh Quảng Ninh về tình hình thực hiện dự án. Ngày 25 tháng 4 năm 2022, UBND tỉnh đã có Phiếu chuyển số 791/PC-UBND về việc chuyển văn bản của Công ty đến Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì lấy ý kiến các Sở Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Hạ Long nghiên cứu tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định. Ngày 07 tháng 6 năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 2014/KHĐT-TĐGSĐT báo cáo UBND tỉnh Quảng Ninh ý kiến từ các sở ngành liên quan về một số nội dung đề nghị của Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh. Đến nay Công ty đang tiếp tục nghiên cứu các quy định của Pháp Luật để báo cáo UBND tỉnh Quảng Ninh xem xét, tháo gỡ khó khăn của dự án.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Cải tạo nâng công suất NMN Hoàn Bò từ 10,000m3/ngđ lên 20,000 m3/ngđ | 2.059.573.962 | 1.254.870.355 |
| Nhà máy nước Khe Mai công suất 6.000m3/ngđ | 1.396.523.611 | 1.227.844.500 |
| Đầu tư ống D560 HDPE từ cầu Hùng Thắng 1 đến Nhà nghỉ Điều dưỡng 368 để tăng cường khả năng truyền tải nước | 1.099.742.868 | 1.022.233.777 |
| Đầu tư tuyến ống HDPE D560 từ nhà máy nước Hoàn Bò đến cầu Bang tăng cường cấp nước cho khu vực phía Đông Thành phố Hạ Long | - | 44.574.760.778 |
| Công trình khác | 8.246.092.229 | 73.488.373.974 |
| Cộng | 12.801.932.670 | 121.568.083.384 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty TNHH Nhựa Châu Âu Xanh | 5.262.759.451 | 5.262.759.451 | 13.433.212.940 | 13.433.212.940 |
| Công ty Cổ phần HAWACO | 4.663.423.800 | 4.663.423.800 | 3.881.282.790 | 3.881.282.790 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Đông Đô | 3.936.509.876 | 3.936.509.876 | 11.564.141.446 | 11.564.141.446 |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Phát | 2.133.252.765 | 2.133.252.765 | 6.471.169.795 | 6.471.169.795 |
| Các đối tượng khác | 43.598.929.113 | 43.598.929.113 | 104.114.335.607 | 104.114.335.607 |
| Cộng | 59.594.875.005 | 59.594.875.005 | 139.464.142.578 | 139.464.142.578 |

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Công ty CP Đầu tư PT Syrena VN - HT | 54.986.000 | - |
| Công ty TNHH 1 TV Bình Ngọc | 36.775.000 | - |
| Các đối tượng khác | 588.958.752 | 839.432.777 |
| Cộng | 680.719.752 | 839.432.777 |

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Trích trước chi phí lãi vay | 1.558.988.385 | 1.626.567.511 |
| Trích trước chi phí xây dựng cơ bản | - | 60.000.000 |
| Cộng | 1.558.988.385 | 1.686.567.511 |

18. PHẢI TRẢ KHÁC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 2.026.017.187 | 2.635.692.900 |
| Kinh phí công đoàn | 331.603.215 | 336.454.851 |
| Cổ tức còn phải trả | - | 34.754.637 |
| Phải trả về phí dịch vụ môi trường rừng | 598.676.000 | 626.383.524 |
| Các khoản phải trả khác | 1.095.737.972 | 1.638.099.888 |
| b) Dài hạn | 2.328.198.450 | 1.812.492.438 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 2.328.198.450 | 1.812.492.438 |
| Cộng | 4.354.215.637 | 4.448.185.338 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | Số cuối năm | | Trong năm | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| a) Vay ngắn hạn | 113.635.387.173 | 113.635.387.173 | 258.483.213.397 | 238.840.222.531 | 93.992.396.307 | 93.992.396.307 |
| <i>Vay ngắn hạn</i> | <i>34.760.640.477</i> | <i>34.760.640.477</i> | <i>177.120.774.908</i> | <i>167.005.006.954</i> | <i>24.644.872.523</i> | <i>24.644.872.523</i> |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Ninh (i) | 34.760.640.477 | 34.760.640.477 | 170.936.610.118 | 147.005.006.954 | 10.829.037.313 | 10.829.037.313 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Quảng Ninh | - | - | 6.184.164.790 | 20.000.000.000 | 13.815.835.210 | 13.815.835.210 |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> | <i>78.874.746.696</i> | <i>78.874.746.696</i> | <i>81.362.438.489</i> | <i>71.835.215.577</i> | <i>69.347.523.784</i> | <i>69.347.523.784</i> |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định (ii) | 43.097.940.000 | 43.097.940.000 | 44.925.240.000 | 40.781.360.000 | 38.954.060.000 | 38.954.060.000 |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ninh (iii) | 16.517.663.784 | 16.517.663.784 | 16.517.663.784 | 16.517.663.784 | 16.517.663.784 | 16.517.663.784 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh (iv) | 2.528.400.000 | 2.528.400.000 | 2.528.400.000 | 2.528.400.000 | 2.528.400.000 | 2.528.400.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hạ Long (iv) | 252.011.100 | 252.011.100 | 252.011.100 | 1.526.400.000 | 1.526.400.000 | 1.526.400.000 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Quảng Ninh (v) | 15.849.200.000 | 15.849.200.000 | 16.509.591.793 | 10.481.391.793 | 9.821.000.000 | 9.821.000.000 |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Phạm Hùng (vi) | 629.531.812 | 629.531.812 | 629.531.812 | - | - | - |
| b) Vay dài hạn | 261.551.134.170 | 261.551.134.170 | 59.307.885.100 | 81.362.438.489 | 283.605.687.559 | 283.605.687.559 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Định (ii) | 44.329.997.712 | 44.329.997.712 | 20.397.885.100 | 44.925.240.000 | 68.857.352.612 | 68.857.352.612 |
| Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ninh (iii) | 135.857.497.487 | 135.857.497.487 | - | 16.517.663.784 | 152.375.161.271 | 152.375.161.271 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh (iv) | 6.090.966.927 | 6.090.966.927 | - | 2.528.400.000 | 8.619.366.927 | 8.619.366.927 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hạ Long (iv) | - | - | - | 252.011.100 | 252.011.100 | 252.011.100 |
| Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Quảng Ninh (v) | 66.552.203.856 | 66.552.203.856 | 29.560.000.000 | 16.509.591.793 | 53.501.795.649 | 53.501.795.649 |
| Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Phạm Hùng (vi) | 8.720.468.188 | 8.720.468.188 | 9.350.000.000 | 629.531.812 | - | - |

Ghi chú:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Ninh, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất thả nổi khoảng 6,00%/năm, biên độ điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Ninh theo nhiều hợp đồng với lãi suất thả nổi khoảng 7,8%/năm đến 9,5%/năm, biên độ điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng; mục đích vay của từng hợp đồng phục vụ nâng cấp, đầu tư các dự án, cơ sở hạ tầng của Công ty. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ninh là hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty Thi công và Cấp nước Quảng Ninh (tiền thân của Công ty) phục vụ đầu tư: “Dự án chống thất thoát nước các tuyến ống nước” và “Dự án cấp nước Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh thuộc Dự án cấp nước và nước thải đô thị”; Công ty trả lãi cho Bộ Tài chính hàng năm với mức lãi suất lần lượt là 5,4% và 6,75 % cộng phí cho vay lại là 0,2%/năm. Hai khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iv) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo nhiều hợp đồng với lãi suất khoảng 7,5%/năm đến 9,3%/năm, biên độ điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng; mục đích vay của từng hợp đồng phục vụ nâng cấp, đầu tư các dự án, cơ sở hạ tầng phục vụ Công ty. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (v) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Quảng Ninh theo nhiều hợp đồng với lãi suất thả nổi khoảng 7,5%/năm đến 9%/năm, biên độ điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng; mục đích vay của từng hợp đồng phục vụ nâng cấp, đầu tư các dự án, cơ sở hạ tầng của Công ty. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (vi) Vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Phạm Hùng phục vụ đầu tư dự án “Xây dựng bể chứa nước sạch 4000m³ NMN Diễn Vọng” với lãi suất thả nổi khoảng 7,4%/năm biên độ điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay và nợ dài hạn được trả theo lịch biểu như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 78.874.746.696 | 69.347.523.784 |
| Trong năm thứ hai | 67.073.929.543 | 35.047.494.684 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 86.142.713.806 | 127.705.567.513 |
| Sau năm năm | 108.334.490.821 | 120.852.625.362 |
| Cộng | 340.425.880.866 | 352.953.211.343 |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (đã được trình bày trong vay ngắn hạn) | 78.874.746.696 | 69.347.523.784 |
| Số phải trả sau 12 tháng | 261.551.134.170 | 283.605.687.559 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

Đơn vị: VND

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | LNST chưa phân phối | Nguồn vốn đầu tư XDCB | Tổng cộng |
|---------------------------|---------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 508.315.940.393 | 20.237.297.104 | 41.077.586.957 | 20.669.600.000 | 590.300.424.454 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 42.033.877.475 | - | 42.033.877.475 |
| Trích quỹ | - | 12.212.579.658 | (27.238.226.713) | - | (15.025.647.055) |
| Trả cổ tức | - | - | (13.470.372.147) | - | (13.470.372.147) |
| Số dư đầu năm nay | 508.315.940.393 | 32.449.876.762 | 42.402.865.572 | 20.669.600.000 | 603.838.282.727 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 44.493.859.664 | - | 44.493.859.664 |
| Trích quỹ (i) | - | 12.731.286.063 | (28.408.100.541) | - | (15.676.814.478) |
| Trả cổ tức (i) | - | - | (13.994.765.031) | - | (13.994.765.031) |
| Số dư cuối năm nay | 508.315.940.393 | 45.181.162.825 | 44.493.859.664 | 20.669.600.000 | 618.660.562.882 |

Ghi chú:

(i) Công ty thực hiện trích lập các quỹ và chi trả cổ tức theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/2022/NQ-ĐHCD ngày 25 tháng 6 năm 2022. Cụ thể như sau:

ĐVT: VND

| | |
|--------------------------------|-----------------------|
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | 15.676.814.478 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | 12.731.286.063 |
| Chi trả cổ tức (*) | 14.029.519.668 |
| Cộng | 42.437.620.209 |

(*) Giá trị chi trả cổ tức nêu trên đã bao gồm 34.754.637 VND còn phải trả tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 tới thời điểm ra nghị quyết chưa trả.

Cổ tức đã thanh toán bằng tiền trong năm là 14.029.519.668 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700100104 thay đổi lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 01 tháng 3 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 508.315.940.393 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

| Cổ đông | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|----------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | VND | % | VND | % |
| UBND tỉnh Quảng Ninh | 488.805.940.393 | 96,16% | 488.805.940.393 | 96,16% |
| Cổ đông khác | 19.510.000.000 | 3,84% | 19.510.000.000 | 3,84% |
| Cộng | 508.315.940.393 | 100% | 508.315.940.393 | 100% |

Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông | 50.831.594 | 50.831.594 |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông | 50.831.594 | 50.831.594 |

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông là 10.000 VND/Cổ phiếu.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh để sử dụng với mục đích xây dựng trạm bơm, giếng, bể nước, khu xử lý nước... Theo các hợp đồng này, Công ty được miễn tiền thuê đất hoặc phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng.

Tài sản nhận giữ hộ

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Trần xả lũ Cao Vân, Đập đất Cao Vân và Đường quản lý Diễn Vọng | 23.545.005.336 | 23.545.005.336 |

Nợ khó đòi đã xử lý

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------|-------------|-------------|
| | VND | VND |
| Nợ khó đòi đã xử lý | 625.942.019 | 611.576.084 |

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu sản xuất nước sạch | 627.609.583.564 | 592.377.234.926 |
| Doanh thu phát triển mạng | 11.238.118.529 | 8.377.784.420 |
| Doanh thu nước uống tinh khiết | 186.727.557 | 899.711.073 |
| Doanh thu phí thoát nước | 8.572.132.037 | 7.929.058.784 |
| Doanh thu khác | 6.391.589.332 | 2.754.388.721 |
| Cộng | 653.998.151.019 | 612.338.177.924 |

Ghi chú:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã bù trừ doanh thu nội bộ và giá vốn nội bộ từ hoạt động tư vấn với số tiền 878.802.756 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn sản xuất nước sạch | 490.183.733.421 | 465.916.989.739 |
| Giá vốn phát triển mạng | 10.082.382.500 | 7.691.583.154 |
| Giá vốn nước uống tinh khiết | 275.931.607 | 937.118.529 |
| Giá vốn phí thoát nước | 8.241.631.220 | 7.632.092.788 |
| Giá vốn khác | 4.403.450.012 | 2.369.460.387 |
| Cộng | <u>513.187.128.760</u> | <u>484.547.244.597</u> |

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 54.756.741.904 | 55.681.032.147 |
| Chi phí nhân công | 227.841.237.803 | 223.031.550.425 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 190.047.787.305 | 151.541.696.310 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 96.409.427.951 | 107.949.700.400 |
| Chi phí khác bằng tiền | 742.639.398 | 685.168.390 |
| Dự phòng công nợ khó đòi | 271.415.168 | (266.717.322) |
| Cộng | <u>570.069.249.529</u> | <u>538.622.430.350</u> |

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 63.281.582 | 21.905.299 |
| Cộng | <u>63.281.582</u> | <u>21.905.299</u> |

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 28.186.855.480 | 25.611.735.471 |
| Cộng | <u>28.186.855.480</u> | <u>25.611.735.471</u> |

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm | | |
| Chi phí nhân viên | 18.375.623 | 124.898.043 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 14.002.141 | 82.995.746 |
| Các khoản chi phí bán hàng khác | 3.642.768 | 20.392.786 |
| Cộng | <u>36.020.532</u> | <u>228.286.575</u> |
| b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm | | |
| Chi phí nhân viên | 24.790.675.188 | 20.209.821.795 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 8.767.995.283 | 9.010.954.040 |
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 23.402.074.102 | 20.544.550.345 |
| Cộng | <u>56.960.744.573</u> | <u>49.765.326.180</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. THU NHẬP KHÁC

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Thanh lý phế liệu | 862.063.680 | 660.809.272 |
| Các khoản khác | 579.930.468 | 1.672.847.968 |
| Cộng | <u>1.441.994.148</u> | <u>2.333.657.240</u> |

29. CHI PHÍ KHÁC

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí thanh lý tài sản cố định | 1.270.430.521 | 1.328.707.730 |
| Các khoản khác | 306.027.607 | 945.245.400 |
| Cộng | <u>1.576.458.128</u> | <u>2.273.953.130</u> |

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận trước thuế | 55.556.219.276 | 52.267.194.510 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế | 778.397.108 | 1.507.254.668 |
| Thu nhập tính thuế | 56.334.616.384 | 53.774.449.178 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo thuế suất 20% | 11.266.923.277 | 10.754.889.836 |
| Thuế TNDN được giảm chi cho lao động nữ | (450.244.700) | (521.572.801) |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước | 245.681.035 | - |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | <u>11.062.359.612</u> | <u>10.233.317.035</u> |

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế cho năm tài chính sau khi đã điều chỉnh các khoản như trình bày bên trên. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------|------------------------|
| | VND | (Trình bày lại) VND |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 44.493.859.664 | 42.033.877.475 |
| Điều chỉnh cho các khoản: | | |
| <i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)</i> | - | (15.676.814.478) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | 44.493.859.664 | 26.357.062.997 |
| Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm | 50.831.594 | 50.831.594 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>875</u> | <u>519</u> |

Ghi chú:

- (i) Khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông năm 2021 được trình bày lại dựa trên việc phân phối lợi nhuận chính thức trong năm 2022, bao gồm lợi nhuận để trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng HĐQT và BKS. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước là 519 (số trước trình bày lại là 827).

Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022, do đó, chưa có cơ sở để xác định các khoản điều chỉnh lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ đông của năm 2022.

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ tập trung trong địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cấp nước và lĩnh vực xây lắp, lắp đặt các công trình phục vụ cho hoạt động cấp nước. Doanh thu từ lĩnh vực xây lắp, lắp đặt chiếm tỷ trọng nhỏ, do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

33. THÔNG TIN KHÁC

Theo Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020, Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh thuộc đối tượng dừng thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 để rà soát, xây dựng phương án sắp xếp, thoái vốn trong giai đoạn 2021-2025.

Theo Quyết định số 22/2022/QĐ-TTg ngày 02 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025. Theo đó, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác, sản xuất, cung cấp nước sạch thuộc nhóm Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 65% vốn điều lệ.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------|----------------|------------------|
| | VND | VND |
| Cổ tức đã trả | | |
| UBND tỉnh Quảng Ninh | 13.491.043.668 | - |

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát trong năm như sau:

| <u>Thành viên</u> | <u>Chức danh</u> | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------|--|----------------|------------------|
| | | VND | VND |
| Ông Vũ Văn Tuấn | Chủ tịch Hội đồng Quản trị | 752.222.950 | 726.519.586 |
| Ông Hoàng Ngọc Hà | Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc | 659.636.806 | 591.495.708 |
| Ông Trịnh Văn Bình | Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 644.857.160 | 666.913.839 |
| Ông Trần Mạnh | Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 579.757.064 | 564.504.777 |
| Ông Nguyễn Thế Đức | Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 515.943.388 | 378.213.743 |
| Bà Tô Thị Hằng Nga | Thành viên Hội đồng Quản trị | 534.857.625 | 535.078.417 |
| Bà Nguyễn Thị Thanh | Thành viên Hội đồng Quản trị | 418.328.194 | 468.538.386 |
| Ông Nguyễn Đức Long | Thành viên Hội đồng Quản trị | 500.302.153 | 367.322.100 |
| Bà Lê Thị Tâm | Trưởng Ban Kiểm soát | 490.516.019 | 413.006.020 |
| Bà Phạm Phương Dung | Thành viên Ban Kiểm soát | 186.948.422 | 180.322.197 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Huyền | Thành viên Ban Kiểm soát | 89.302.895 | 163.211.971 |
| Ông Phạm Duy Hiếu | Thành viên Ban Kiểm soát | 171.726.163 | 199.586.355 |
| Bà Lưu Thị Hiền | Thành viên Ban Kiểm soát | 141.354.725 | 139.130.896 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo tài chính là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác.



Vũ Văn Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Tô Thị Hằng Nga

Kế toán trưởng

Lê Thị Hậu

Người lập biểu



Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319,
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Lầu 11, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-24 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Văn phòng Đồng Nai

79 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,
TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Ha Noi Office

12A Floor, 319 Corporation Tower
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,
Cau Giay District, Hanoi City
Tel: +84-24 3577 0781
Fax: +84-24 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Ho Chi Minh Office

11th Floor, HUD Building, No.159 Dien Bien Phu Street
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
Tel: +84-28 3840 6618
Fax: +84-24 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Dong Nai Office

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,
Bien Hoa City, Dong Nai Province
Tel: +84-251 3828 560
Fax: +84-251 3828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn